

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh    |     | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|-----|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                    |     |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 1   | 210001 | Bùi An             | An  | 25/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 3.80      | 7.50 | 18.05 |         |
| 2   | 210002 | Đào Chu Khánh      | An  | 21/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 7.75     | 3.80      | 7.75 | 19.30 |         |
| 3   | 210003 | Lê Võ An           | An  | 06/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0.5     | 9.00     | 9.80      | 8.75 | 28.05 |         |
| 4   | 210004 | Nguyễn Đức         | An  | 23/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.50     | 2.80      | 2.75 | 10.05 |         |
| 5   | 210005 | Nguyễn Ngọc Khánh  | An  | 02/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 4.40      | 8.25 | 19.65 |         |
| 6   | 210006 | Phạm Nguyễn Hoài   | An  | 27/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0.5     | 8.50     | 8.20      | 9.00 | 26.20 |         |
| 7   | 210007 | Phạm Thị Thiên     | An  | 03/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 7.20      | 8.00 | 22.20 |         |
| 8   | 210008 | Phạm Trường        | An  | 10/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 3.75     | 3.00      | 5.00 | 11.75 |         |
| 9   | 210009 | Trần Thị Mỹ        | An  | 30/08/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 6.20      | 8.00 | 21.70 |         |
| 10  | 210010 | Đoàn Ngọc Thiên    | Ân  | 01/03/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 3.20      | 8.00 | 17.95 |         |
| 11  | 210011 | Lê Duy             | Ân  | 16/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 5.00      | 8.50 | 20.25 |         |
| 12  | 210012 | Nguyễn Bảo         | Ân  | 19/12/2010 | Nam       | Kinh    | Bình Thuận           | 0       | 0       | 7.25     | 5.80      | 9.00 | 22.05 |         |
| 13  | 210013 | Nguyễn Đức         | Ân  | 15/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 3.25     | 4.20      | 6.00 | 13.45 |         |
| 14  | 210014 | Đặng Minh          | Anh | 11/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 6.20      | 8.75 | 23.20 |         |
| 15  | 210015 | Đào Nguyễn Phương  | Anh | 02/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 7.00      | 8.25 | 23.25 |         |
| 16  | 210016 | Hoàng Nguyễn Quỳnh | Anh | 13/06/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 8.50     | 7.40      | 8.25 | 24.15 |         |
| 17  | 210017 | Kiều Thị Thu       | Anh | 02/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 5.60      | 8.25 | 20.85 |         |
| 18  | 210018 | Lê Đức             | Anh | 11/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 3.00      | 6.75 | 16.50 |         |
| 19  | 210019 | Lê Huỳnh Tuấn      | Anh | 12/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 3.80      | 6.50 | 17.55 |         |
| 20  | 210020 | Lê Tuấn            | Anh | 15/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.50     | 3.80      | 4.50 | 13.80 |         |
| 21  | 210021 | Nguyễn Hoài        | Anh | 12/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 7.00     | 3.60      | 6.00 | 16.60 |         |
| 22  | 210022 | Nguyễn Hoàng Bảo   | Anh | 06/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 1.25     | 4.60      | 5.25 | 11.10 |         |
| 23  | 210023 | Nguyễn Ngọc        | Anh | 23/06/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 6.00     | 3.80      | 6.25 | 16.05 |         |
| 24  | 210024 | Nguyễn Ngọc        | Anh | 26/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.00     | 4.20      | 7.00 | 17.20 |         |
| 25  | 210025 | Nguyễn Ngọc Kiều   | Anh | 28/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.75     | 4.40      | 4.25 | 13.40 |         |
| 26  | 210026 | Nguyễn Ngọc Phương | Anh | 22/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.50     | 3.40      | 6.25 | 16.15 |         |
| 27  | 210027 | Nguyễn Thị Quỳnh   | Anh | 15/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 7.80      | 8.50 | 23.05 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh    |      | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                    |      |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 28  | 210028 | Nguyễn Tuấn        | Anh  | 18/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.25     | 2.60      | 8.75 | 16.60 |         |
| 29  | 210029 | Nguyễn Tuấn        | Anh  | 15/06/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 6.50     | 6.20      | 5.75 | 18.45 |         |
| 30  | 210030 | Phạm Đỗ Hồng       | Anh  | 03/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 2.20      | 5.75 | 13.95 |         |
| 31  | 210031 | Thổ Thị Thu        | Anh  | 05/05/2010 | Nữ        | Chơ-ro  | Đức Linh, Bình Thuận  | 1       | 0       | 7.00     | 4.40      | 6.50 | 18.90 |         |
| 32  | 210032 | Trần Đức           | Anh  | 12/06/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 8.50     | 4.20      | 8.00 | 20.70 |         |
| 33  | 210033 | Trần Lê Tuấn       | Anh  | 15/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 6.20      | 5.75 | 18.70 |         |
| 34  | 210034 | Trần Mai Hoàng     | Anh  | 12/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 7.20      | 7.50 | 22.20 |         |
| 35  | 210035 | Trần Ngọc Trâm     | Anh  | 29/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0.5     | 8.00     | 8.80      | 9.00 | 26.30 |         |
| 36  | 210036 | Trần Ngọc Trâm     | Anh  | 03/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 8.00     | 3.60      | 7.75 | 19.35 |         |
| 37  | 210037 | Trần Thị Quỳnh     | Anh  | 16/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.25     | 4.00      | 4.00 | 15.25 |         |
| 38  | 210038 | Trương Nguyễn Minh | Anh  | 16/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 7.60      | 8.25 | 23.85 |         |
| 39  | 210039 | Võ Thị Lan         | Anh  | 08/12/2009 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.75     | 3.20      | 4.50 | 14.45 |         |
| 40  | 210040 | Vũ Đoàn Minh       | Anh  | 13/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 6.00      | 9.00 | 23.00 |         |
| 41  | 210041 | Đỗ Hoàng Ngọc      | Ảnh  | 19/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 4.60      | 5.50 | 16.10 |         |
| 42  | 210042 | Đình Gia           | Bảo  | 11/04/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 5.75     | 2.60      | 4.00 | 12.35 |         |
| 43  | 210043 | Nguyễn Anh         | Bảo  | 24/02/2010 | Nam       | Kinh    | Tánh Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.00     | 2.00      | 5.50 | 12.50 |         |
| 44  | 210044 | Nguyễn Đăng Gia    | Bảo  | 23/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 6.60      | 9.00 | 22.60 |         |
| 45  | 210045 | Nguyễn Đình        | Bảo  | 23/09/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 2.60      | 6.75 | 15.60 |         |
| 46  | 210046 | Nguyễn Hoàng Gia   | Bảo  | 29/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.25     | 3.80      | 4.00 | 13.05 |         |
| 47  | 210047 | Nguyễn Lê Gia      | Bảo  | 24/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 3.80      | 6.50 | 18.05 |         |
| 48  | 210048 | Nguyễn Ngọc Gia    | Bảo  | 07/03/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 4.40      | 7.25 | 18.15 |         |
| 49  | 210049 | Nguyễn Tấn Gia     | Bảo  | 24/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.75     | 4.00      | 4.75 | 13.50 |         |
| 50  | 210050 | Phạm Gia           | Bảo  | 04/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.25     | 2.40      | 5.50 | 11.15 |         |
| 51  | 210051 | Phạm Văn Quốc      | Bảo  | 12/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 4.80      | 8.75 | 19.30 |         |
| 52  | 210052 | Võ Gia             | Bảo  | 22/01/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 0.50     | 1.80      | 0.25 | 2.55  |         |
| 53  | 210053 | Nguyễn Hoài        | Bích | 27/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.50     | 4.40      | 7.50 | 17.40 |         |
| 54  | 210054 | Thạch Lê Ngọc      | Bích | 19/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 4.60      | 7.00 | 18.35 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh  |        | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh                        | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|------------------|--------|------------|-----------|---------|---------------------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                  |        |            |           |         |                                 |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 55  | 210055 | Lê Vũ An         | Bình   | 24/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 7.25     | 8.60      | 8.75 | 24.60 |         |
| 56  | 210056 | Phạm Thị Thanh   | Bình   | 22/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 8.50     | 7.80      | 8.75 | 25.05 |         |
| 57  | 210057 | Hà Nguyễn Ngọc   | Cần    | 14/01/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh                 | 0       | 0.5     | 8.50     | 7.60      | 7.25 | 23.85 |         |
| 58  | 210058 | Nguyễn Hữu       | Cảnh   | 01/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 7.00     | 4.00      | 5.75 | 16.75 |         |
| 59  | 210059 | Hồ Ngọc Bảo      | Châu   | 09/11/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh                 | 0       | 0       | 7.25     | 4.40      | 5.25 | 16.90 |         |
| 60  | 210060 | Nguyễn Hoàng Bảo | Châu   | 03/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0.5     | 7.75     | 8.80      | 8.75 | 25.80 |         |
| 61  | 210061 | Hà Ánh           | Chi    | 17/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 8.50     | 6.80      | 7.50 | 22.80 |         |
| 62  | 210062 | Lê Hồ Trúc       | Chi    | 13/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai            | 0       | 0       | 7.00     | 5.80      | 7.50 | 20.30 |         |
| 63  | 210063 | Hoàng            | Chí    | 08/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 7.50     | 5.40      | 7.75 | 20.65 |         |
| 64  | 210064 | Tăng Trần Văn    | Chương | 01/03/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh                 | 0       | 0       | 8.00     | 9.00      | 9.25 | 26.25 |         |
| 65  | 210065 | Lê Hoàng Hữu     | Đại    | 11/01/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai            | 0       | 0       | 6.75     | 7.00      | 6.25 | 20.00 |         |
| 66  | 210066 | Phạm Hoàng Linh  | Đan    | 09/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Bệnh viện Từ Dũ, Tp Hồ Chí Minh | 0       | 0       | 8.25     | 8.40      | 9.50 | 26.15 |         |
| 67  | 210067 | Trần Sỹ          | Đan    | 23/08/2010 | Nam       | Kinh    | Ninh Thuận                      | 0       | 0       | 6.00     | 2.00      | 6.00 | 14.00 |         |
| 68  | 210068 | Võ Nguyên        | Đan    | 11/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 7.50     | 5.60      | 7.75 | 20.85 |         |
| 69  | 210069 | Đình Quang       | Đăng   | 11/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 7.75     | 5.40      | 8.00 | 21.15 |         |
| 70  | 210070 | Nguyễn Minh      | Đăng   | 15/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 3.25     | 3.00      | 6.50 | 12.75 |         |
| 71  | 210071 | Đặng Công        | Danh   | 21/02/2010 | Nam       | Dao     | Đức Linh, Bình Thuận            | 1       | 0       | 3.75     | 2.40      | 3.50 | 10.65 |         |
| 72  | 210072 | Nguyễn Thành     | Danh   | 02/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 6.25     | 4.40      | 6.50 | 17.15 |         |
| 73  | 210073 | Trần Khắc Triệu  | Danh   | 15/03/2010 | Nam       | Kinh    | Bảo Lâm, Lâm Đồng               | 0       | 0       | 5.25     | 4.80      | 8.25 | 18.30 |         |
| 74  | 210074 | Nguyễn Ngọc Anh  | Đào    | 12/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 6.50     | 3.40      | 7.00 | 16.90 |         |
| 75  | 210075 | Đình Thành       | Đạt    | 05/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 6.50     | 5.20      | 6.75 | 18.45 |         |
| 76  | 210076 | Lê Quốc          | Đạt    | 29/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 5.75     | 3.80      | 8.25 | 17.80 |         |
| 77  | 210077 | Phạm Huỳnh Minh  | Đạt    | 12/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 8.00     | 7.00      | 8.75 | 23.75 |         |
| 78  | 210078 | Phạm Thái        | Đạt    | 05/01/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 5.00     | 5.20      | 6.50 | 16.70 |         |
| 79  | 210079 | Trần Quốc        | Đạt    | 23/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 6.50     | 2.20      | 3.50 | 12.20 |         |
| 80  | 210080 | Võ Lê Phúc       | Đạt    | 18/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 5.75     | 6.00      | 8.50 | 20.25 |         |
| 81  | 210081 | Võ Tiến          | Đạt    | 14/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận            | 0       | 0       | 5.42     | 2.00      | 5.50 | 12.92 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh  |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh                    | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|------------------|-------|------------|-----------|---------|-----------------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                  |       |            |           |         |                             |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 82  | 210082 | Nguyễn Hoàng Út  | Diễm  | 04/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 6.25     | 4.40      | 4.25 | 14.90 |         |
| 83  | 210083 | Lê Trương Ngọc   | Diệp  | 15/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 3.25     | 2.40      | 3.25 | 8.90  |         |
| 84  | 210084 | Trần Trương Ngọc | Diệp  | 20/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 1       | 7.50     | 8.80      | 8.25 | 25.55 |         |
| 85  | 210085 | Trần Quang       | Đông  | 02/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 7.50     | 5.60      | 7.25 | 20.35 |         |
| 86  | 210086 | Phan Nguyễn Minh | Du    | 10/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 6.25     | 5.00      | 7.25 | 18.50 |         |
| 87  | 210087 | Nguyễn Anh       | Đức   | 08/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 88  | 210088 | Nguyễn Minh      | Đức   | 17/07/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai          | 0       | 0       | 6.00     | 2.00      | 4.25 | 12.25 |         |
| 89  | 210089 | Võ Ngọc          | Đức   | 07/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 4.75     | 5.00      | 7.50 | 17.25 |         |
| 90  | 210090 | Hoàng Mỹ Kiều    | Dung  | 22/04/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 5.50     | 2.20      | 2.50 | 10.20 |         |
| 91  | 210091 | Huỳnh Thị Ngọc   | Dung  | 07/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 4.50     | 3.60      | 5.50 | 13.60 |         |
| 92  | 210092 | Lê Thành         | Được  | 13/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 2.50     | 2.60      | 3.25 | 8.35  |         |
| 93  | 210093 | Đỗ Thuỳ          | Dương | 29/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 8.00     | 8.00      | 8.75 | 24.75 |         |
| 94  | 210094 | Đoàn Thái Thuỳ   | Dương | 28/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 8.00     | 5.20      | 7.75 | 20.95 |         |
| 95  | 210095 | Lương Thị Thuỳ   | Dương | 30/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 6.25     | 7.80      | 8.25 | 22.30 |         |
| 96  | 210096 | Trần Đại         | Dương | 28/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 6.00     | 9.20      | 9.00 | 24.20 |         |
| 97  | 210097 | Võ Thị Thuỳ      | Dương | 31/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 5.75     | 4.80      | 6.25 | 16.80 |         |
| 98  | 210098 | Vũ Thuỳ          | Dương | 12/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 8.00     | 8.20      | 8.75 | 24.95 |         |
| 99  | 210099 | Ngô Thanh        | Duy   | 16/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 6.25     | 4.20      | 4.75 | 15.20 |         |
| 100 | 210100 | Nguyễn Đình Nhựt | Duy   | 20/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 7.25     | 7.40      | 7.25 | 21.90 |         |
| 101 | 210101 | Nguyễn Hữu       | Duy   | 28/07/2010 | Nam       | Kinh    | Long Thành, Đồng Nai        | 0       | 0       | 6.75     | 5.20      | 6.25 | 18.20 |         |
| 102 | 210102 | Đình Trần Mỹ     | Duyên | 04/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 6.75     | 7.20      | 5.00 | 18.95 |         |
| 103 | 210103 | Nguyễn Hồng Kỳ   | Duyên | 28/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 7.75     | 5.80      | 6.50 | 20.05 |         |
| 104 | 210104 | Phạm Ngọc Phương | Duyên | 31/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 7.25     | 4.80      | 6.75 | 18.80 |         |
| 105 | 210105 | Phạm Văn         | Duyên | 07/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 7.50     | 7.40      | 8.50 | 23.40 |         |
| 106 | 210106 | Phan Thị Mỹ      | Duyên | 03/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 6.00     | 4.00      | 7.50 | 17.50 |         |
| 107 | 210107 | Phùng Ngọc Bảo   | Duyên | 05/07/2010 | Nữ        | Mường   | Bệnh viện sông cầu, phú yên | 1       | 0       | 5.50     | 2.40      | 5.50 | 14.40 |         |
| 108 | 210108 | Trương Hồng Mỹ   | Duyên | 20/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận        | 0       | 0       | 6.50     | 1.60      | 8.00 | 16.10 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh     |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|---------------------|-------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                     |       |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 109 | 210109 | Nguyễn Thắm         | Gia   | 06/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 7.00      | 9.00 | 23.25 |         |
| 110 | 210110 | Nguyễn Hoàng Bảo    | Giang | 14/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 4.40      | 5.25 | 17.15 |         |
| 111 | 210111 | Phạm Quỳnh          | Giang | 23/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 4.60      | 4.25 | 15.35 |         |
| 112 | 210112 | Vũ Thị Hương        | Giang | 07/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Nghĩa Hưng, Nam Định | 0       | 0       | 6.50     | 1.80      | 5.00 | 13.30 |         |
| 113 | 210113 | Nguyễn Mai Quỳnh    | Giao  | 18/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 7.80      | 7.75 | 23.80 |         |
| 114 | 210114 | Bùi Hồ Cẩm          | Hà    | 02/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.75     | 5.40      | 8.75 | 22.90 |         |
| 115 | 210115 | Trần Kim Trúc       | Hà    | 21/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 6.20      | 6.50 | 19.95 |         |
| 116 | 210116 | Lê Từ Minh          | Hải   | 15/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.25     | 7.20      | 7.50 | 20.95 |         |
| 117 | 210117 | Đặng Bảo Gia        | Hân   | 09/03/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 7.25     | 7.80      | 8.00 | 23.05 |         |
| 118 | 210118 | Đỗ Thị Ngọc         | Hân   | 17/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 7.80      | 8.25 | 24.30 |         |
| 119 | 210119 | Đoàn Khánh          | Hân   | 30/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.50     | 8.00      | 8.50 | 25.00 |         |
| 120 | 210120 | Đoàn Ngọc Gia       | Hân   | 26/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.17     | 3.00      | 6.75 | 15.92 |         |
| 121 | 210121 | Lê Gia              | Hân   | 08/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0.5     | 9.25     | 9.80      | 9.00 | 28.55 |         |
| 122 | 210122 | Lê Hoàng Ty         | Hân   | 14/10/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.00     | 1.60      | 3.50 | 10.10 |         |
| 123 | 210123 | Mai Thị Ngọc        | Hân   | 22/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.00     | 3.20      | 5.75 | 14.95 |         |
| 124 | 210124 | Nguyễn Hoàng Bảo    | Hân   | 09/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.75     | 8.00      | 9.00 | 25.75 |         |
| 125 | 210125 | Phạm Ngọc Bảo       | Hân   | 24/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai | 0       | 0       | 4.50     | 2.80      | 6.50 | 13.80 |         |
| 126 | 210126 | Phan Đoàn Hoàng Gia | Hân   | 08/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.50     | 4.00      | 7.50 | 18.00 |         |
| 127 | 210127 | Trần Hoàng Bảo      | Hân   | 02/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đồng Nai             | 0       | 0       | 8.00     | 7.00      | 8.50 | 23.50 |         |
| 128 | 210128 | Võ Ngọc             | Hân   | 12/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 6.80      | 7.00 | 21.30 |         |
| 129 | 210129 | Huỳnh Thị Thúy      | Hăng  | 12/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 4.40      | 2.75 | 14.65 |         |
| 130 | 210130 | Nguyễn Xuân         | Hào   | 28/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 7.00      | 8.50 | 22.50 |         |
| 131 | 210131 | Hoàng               | Hảo   | 26/07/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.25     | 6.00      | 8.00 | 20.25 |         |
| 132 | 210132 | Thỏ Thị Minh        | Hảo   | 17/01/2010 | Nữ        | Chơ-ro  | Đức Linh, Bình Thuận | 1       | 0       | 6.00     | 4.00      | 7.50 | 18.50 |         |
| 133 | 210133 | Nguyễn              | Hậu   | 23/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.75     | 5.80      | 7.00 | 18.55 |         |
| 134 | 210134 | Nguyễn Quốc         | Hậu   | 04/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 0.50     | 1.60      | 0.25 | 2.35  |         |
| 135 | 210135 | Nguyễn Xuân         | Hậu   | 04/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 0.50     | 2.00      | 0.00 | 2.50  |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------|-------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                 |       |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 136 | 210136 | Võ Thanh        | Hậu   | 17/12/2010 | Nam       | Kinh    | Tánh Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 7.60      | 9.00 | 24.35 |         |
| 137 | 210137 | Lương Thanh     | Hiền  | 29/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.42     | 4.40      | 7.00 | 16.82 |         |
| 138 | 210138 | Nguyễn Thị Diệu | Hiền  | 15/10/2008 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.75     | 2.00      | 0.75 | 7.50  |         |
| 139 | 210139 | Nguyễn Thị Thu  | Hiền  | 23/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.25     | 3.40      | 3.75 | 12.40 |         |
| 140 | 210140 | Nguyễn Ngô Đức  | Hiệp  | 12/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 7.80      | 9.00 | 23.80 |         |
| 141 | 210141 | Trần Lê Ngọc    | Hiệp  | 14/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 7.00      | 9.00 | 24.25 |         |
| 142 | 210142 | Nguyễn Lê       | Hiếu  | 20/04/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 0.50     | 1.80      | 2.00 | 4.30  |         |
| 143 | 210143 | Nguyễn Trọng    | Hiếu  | 30/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đồng Nai              | 0       | 0       | 3.25     | 3.60      | 6.50 | 13.35 |         |
| 144 | 210144 | Nguyễn Văn      | Hiếu  | 05/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 3.20      | 6.25 | 16.45 |         |
| 145 | 210145 | Phạm Trung      | Hiếu  | 11/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 5.40      | 7.25 | 17.65 |         |
| 146 | 210146 | Phan Đức        | Hiếu  | 16/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 8.00      | 7.50 | 21.25 |         |
| 147 | 210147 | Trần Minh       | Hiếu  | 23/11/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 2.75     | 2.40      | 3.75 | 8.90  |         |
| 148 | 210148 | Trần Viết       | Hiếu  | 14/01/2010 | Nam       | Kinh    | Thành phố Hồ Chí Minh | 0       | 0       | 7.75     | 5.80      | 8.50 | 22.05 |         |
| 149 | 210149 | Nguyễn Quỳnh    | Hoa   | 26/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 5.00      | 8.25 | 20.75 |         |
| 150 | 210150 | Phạm Trương Mai | Hoa   | 10/08/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 6.50     | 8.20      | 8.75 | 23.45 |         |
| 151 | 210151 | Phạm Thái       | Hoà   | 09/06/2010 | Nam       | kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.50     | 2.00      | 5.25 | 12.75 |         |
| 152 | 210152 | Nguyễn Phạm Huy | Hoàng | 06/11/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 6.50     | 5.20      | 6.50 | 18.20 |         |
| 153 | 210153 | Nguyễn Văn      | Học   | 17/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 6.80      | 8.25 | 23.05 |         |
| 154 | 210154 | Nguyễn Thị Thu  | Hồng  | 29/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 3.00      | 7.00 | 15.75 |         |
| 155 | 210155 | Võ Thị Thúy     | Hồng  | 17/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 3.40      | 6.25 | 15.90 |         |
| 156 | 210156 | Huỳnh Thế       | Huân  | 15/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 2.00      | 1.75 | 9.75  |         |
| 157 | 210157 | Nguyễn Thị Bích | Huệ   | 21/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 8.00      | 8.50 | 24.00 |         |
| 158 | 210158 | Lương Mạnh      | Hùng  | 15/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 7.00      | 8.75 | 22.75 |         |
| 159 | 210159 | Nguyễn Huy      | Hùng  | 10/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 2.50     | 2.80      | 2.75 | 8.05  |         |
| 160 | 210160 | Nguyễn Trần Phi | Hùng  | 17/01/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 3.75     | 6.00      | 7.00 | 16.75 |         |
| 161 | 210161 | Lâm Văn         | Hưng  | 11/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 2.40      | 1.75 | 10.65 |         |
| 162 | 210162 | Lê Quang        | Hưng  | 25/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 3.40      | 8.00 | 18.40 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh  |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|------------------|-------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                  |       |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 163 | 210163 | Nguyễn Quốc      | Hưng  | 30/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 8.60      | 8.50 | 23.60 |         |
| 164 | 210164 | Nguyễn Trần Tuấn | Hưng  | 01/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.75     | 3.60      | 8.25 | 17.60 |         |
| 165 | 210165 | Đặng Thị Diễm    | Hương | 21/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0.5     | 7.50     | 9.00      | 8.25 | 25.25 |         |
| 166 | 210166 | Nguyễn Hồ Quỳnh  | Hương | 29/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 7.00      | 8.00 | 22.75 |         |
| 167 | 210167 | Nguyễn Quỳnh     | Hương | 17/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 2.40      | 3.75 | 13.15 |         |
| 168 | 210168 | Trần Thiện Thiên | Hương | 23/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.50     | 4.00      | 6.75 | 19.25 |         |
| 169 | 210169 | Vũ Xuân          | Hương | 27/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 7.25     | 2.00      | 7.25 | 16.50 |         |
| 170 | 210170 | Đặng Vũ Nhật     | Huy   | 19/11/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 5.75     | 1.20      | 3.50 | 10.45 |         |
| 171 | 210171 | Đào Nhật         | Huy   | 22/12/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 8.25     | 8.80      | 9.00 | 26.05 |         |
| 172 | 210172 | Đình Quốc        | Huy   | 03/03/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.75     | 2.20      | 7.25 | 16.20 |         |
| 173 | 210173 | Đình Việt Anh    | Huy   | 12/10/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 7.25     | 5.60      | 8.25 | 21.10 |         |
| 174 | 210174 | Đoàn Ngọc        | Huy   | 10/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.75     | 2.00      | 6.00 | 13.75 |         |
| 175 | 210175 | Hoàng Quốc       | Huy   | 13/04/2010 | Nam       | Kinh    | Tp Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 4.00     | 3.20      | 3.50 | 10.70 |         |
| 176 | 210176 | Huỳnh Công Gia   | Huy   | 29/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 2.75     | 2.00      | 0.00 | 4.75  |         |
| 177 | 210177 | Lê               | Huy   | 18/07/2010 | Nam       | Kinh    | Thống Nhất, Đồng Nai | 0       | 0       | 7.00     | 4.60      | 5.00 | 16.60 |         |
| 178 | 210178 | Lê Quang         | Huy   | 11/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.25     | 2.00      | 0.50 | 6.75  |         |
| 179 | 210179 | Lương Gia        | Huy   | 06/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 9.20      | 8.50 | 25.20 |         |
| 180 | 210180 | Nguyễn Gia       | Huy   | 03/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.75     | 3.60      | 4.75 | 13.10 |         |
| 181 | 210181 | Nguyễn Gia       | Huy   | 16/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 2.50     | 1.40      | 0.75 | 4.65  |         |
| 182 | 210182 | Nguyễn Minh      | Huy   | 15/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.25     | 3.40      | 3.50 | 11.15 |         |
| 183 | 210183 | Nguyễn Phan Nhật | Huy   | 16/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 6.00      | 8.75 | 22.25 |         |
| 184 | 210184 | Nguyễn Trần Gia  | Huy   | 17/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 7.20      | 8.75 | 22.70 |         |
| 185 | 210185 | Nguyễn Diệu      | Huyền | 18/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0.5     | 8.25     | 8.80      | 9.00 | 26.55 |         |
| 186 | 210186 | Nguyễn Thanh     | Huyền | 16/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 7.40      | 8.25 | 23.15 |         |
| 187 | 210187 | Vũ Thị Thanh     | Huyền | 23/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 1.5     | 8.25     | 9.60      | 8.50 | 27.85 |         |
| 188 | 210188 | Dương Huỳnh Bảo  | Kha   | 04/12/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 5.25     | 3.00      | 3.75 | 12.00 |         |
| 189 | 210189 | Huỳnh Cao Nam    | Kha   | 17/08/2010 | Nam       | Hoa     | Đức Linh, Bình Thuận | 1       | 0       | 5.50     | 4.60      | 7.00 | 18.10 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh  |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh               | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|------------------|-------|------------|-----------|---------|------------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                  |       |            |           |         |                        |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 190 | 210190 | Phạm Đình        | Kha   | 10/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 8.25     | 4.60      | 8.75 | 21.60 |         |
| 191 | 210191 | Huỳnh Đình       | Khải  | 21/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 5.50     | 4.80      | 6.50 | 16.80 |         |
| 192 | 210192 | Lê Minh          | Khải  | 26/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 2.00     | 2.80      | 0.25 | 5.05  |         |
| 193 | 210193 | Lê Quang         | Khải  | 09/03/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 5.75     | 5.60      | 8.50 | 19.85 |         |
| 194 | 210194 | Lê Quang         | Khải  | 08/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.33     | 5.20      | 7.00 | 18.53 |         |
| 195 | 210195 | Nguyễn Cao       | Khải  | 16/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.00     | 5.00      | 8.50 | 20.50 |         |
| 196 | 210196 | Nguyễn Hoàng     | Khải  | 18/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 5.00     | 2.20      | 5.75 | 12.95 |         |
| 197 | 210197 | Nguyễn Tấn       | Khải  | 27/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.25     | 5.20      | 6.75 | 18.20 |         |
| 198 | 210198 | Phan Văn         | Khải  | 03/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.50     | 7.40      | 9.00 | 23.90 |         |
| 199 | 210199 | Đào Tấn          | Khang | 28/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 4.75     | 2.60      | 4.75 | 12.10 |         |
| 200 | 210200 | Hoàng Gia        | Khang | 20/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.25     | 4.80      | 7.75 | 19.80 |         |
| 201 | 210201 | Nguyễn Bảo       | Khang | 25/12/2010 | Nam       | Kinh    | Phan Thiết, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 7.00      | 8.50 | 22.75 |         |
| 202 | 210202 | Nguyễn Trọng     | Khang | 29/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.75     | 4.40      | 6.00 | 18.15 |         |
| 203 | 210203 | Trần Minh        | Khang | 15/04/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.50     | 4.60      | 8.00 | 20.10 |         |
| 204 | 210204 | Võ Trọng Phú     | Khang | 25/12/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh        | 0       | 0       | 7.75     | 7.20      | 8.00 | 22.95 |         |
| 205 | 210205 | Nguyễn Ngọc      | Khanh | 05/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.25     | 8.20      | 8.00 | 22.45 |         |
| 206 | 210206 | Hoàng Duy        | Khánh | 03/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 5.00     | 3.60      | 4.00 | 12.60 |         |
| 207 | 210207 | Lê Ngọc Nam      | Khánh | 20/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.25     | 5.00      | 5.00 | 16.25 |         |
| 208 | 210208 | Nguyễn Duy       | Khánh | 29/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.00     | 5.00      | 7.25 | 18.25 |         |
| 209 | 210209 | Nguyễn Ngọc Ngân | Khánh | 28/09/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.25     | 5.20      | 7.50 | 18.95 |         |
| 210 | 210210 | Phạm Quốc        | Khánh | 02/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 5.75     | 3.60      | 5.50 | 14.85 |         |
| 211 | 210211 | Đặng Minh        | Khoa  | 15/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 3.75     | 3.00      | 5.25 | 12.00 |         |
| 212 | 210212 | Huỳnh Đăng       | Khoa  | 02/06/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh        | 0       | 0       | 8.00     | 3.20      | 6.00 | 17.20 |         |
| 213 | 210213 | Lê Trần Tuấn     | Khoa  | 01/04/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh        | 0       | 0       | 5.75     | 2.80      | 6.25 | 14.80 |         |
| 214 | 210214 | Nguyễn Đăng      | Khoa  | 28/03/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh        | 0       | 0       | 4.00     | 3.20      | 4.75 | 11.95 |         |
| 215 | 210215 | Nguyễn Tuấn      | Khoa  | 18/10/2009 | Nam       | Kinh    | Biên Hòa, Đồng Nai     | 0       | 0       | 6.75     | 9.20      | 8.25 | 24.20 |         |
| 216 | 210216 | Phạm Đăng        | Khoa  | 29/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 5.75     | 6.60      | 8.75 | 21.10 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh  |      | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|------------------|------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                  |      |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 217 | 210217 | Trần Anh         | Khoa | 15/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 4.80      | 3.75 | 14.55 |         |
| 218 | 210218 | Trần Phạm Minh   | Khoa | 20/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 6.80      | 8.00 | 22.55 |         |
| 219 | 210219 | Trương Đăng      | Khoa | 27/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.25     | 5.80      | 3.00 | 13.05 |         |
| 220 | 210220 | Võ Anh           | Khoa | 30/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 221 | 210221 | Hoàng Mai        | Khôi | 20/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Tánh Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 6.00      | 7.25 | 21.25 |         |
| 222 | 210222 | Ngô Phùng Đăng   | Khôi | 03/08/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 7.00     | 6.60      | 8.00 | 21.60 |         |
| 223 | 210223 | Nguyễn Cao       | Khôi | 16/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 5.00      | 8.00 | 21.25 |         |
| 224 | 210224 | Nguyễn Lê Nguyên | Khôi | 21/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 2.20      | 4.75 | 11.95 |         |
| 225 | 210225 | Nguyễn Ngọc Đăng | Khôi | 11/09/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.50     | 7.80      | 8.25 | 22.55 |         |
| 226 | 210226 | Nguyễn Tuấn      | Khôi | 20/11/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 8.50     | 9.60      | 8.50 | 26.60 |         |
| 227 | 210227 | Trần Anh         | Khôi | 11/11/2010 | Nam       | Kinh    | Bình Dương            | 0       | 0       | 6.75     | 4.00      | 6.75 | 17.50 |         |
| 228 | 210228 | Trần Võ Minh     | Khôi | 28/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.75     | 1.80      | 6.75 | 12.30 |         |
| 229 | 210229 | Abapoulle A      | Khuê | 29/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.50     | 7.40      | 8.50 | 24.40 |         |
| 230 | 210230 | Trần Văn         | Kiên | 16/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 6.80      | 8.25 | 22.80 |         |
| 231 | 210231 | Bùi Tuấn         | Kiệt | 09/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 4.80      | 4.25 | 15.05 |         |
| 232 | 210232 | Đình Duy         | Kiệt | 05/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 7.00      | 8.25 | 22.75 |         |
| 233 | 210233 | Hoàng Anh        | Kiệt | 21/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.75     | 2.40      | 0.75 | 7.90  |         |
| 234 | 210234 | Trần Phan Tuấn   | Kiệt | 24/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.25     | 2.60      | 2.00 | 7.85  |         |
| 235 | 210235 | Trần Tuấn        | Kiệt | 21/11/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.75     | 3.00      | 7.00 | 16.75 |         |
| 236 | 210236 | Võ Văn           | Kiệt | 09/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.50     | 3.80      | 8.75 | 21.05 |         |
| 237 | 210237 | Lương Thị Thiên  | Kiều | 21/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0.5     | 8.00     | 8.40      | 8.50 | 25.40 |         |
| 238 | 210238 | Trần Thị Diễm    | Kiều | 08/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 4.80      | 7.00 | 19.30 |         |
| 239 | 210239 | Nguyễn Thị Ngọc  | Kim  | 16/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 5.00      | 7.50 | 20.00 |         |
| 240 | 210240 | Lê Nhã           | Kỳ   | 29/03/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 6.00     | 4.60      | 6.50 | 17.10 |         |
| 241 | 210241 | Nguyễn Hồng      | Kỳ   | 22/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 2.60      | 4.00 | 13.10 |         |
| 242 | 210242 | Phạm Thư         | Kỳ   | 18/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 7.50     | 4.00      | 7.75 | 19.25 |         |
| 243 | 210243 | Lê Duy           | Lâm  | 01/10/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 5.00     | 2.40      | 5.75 | 13.15 |         |

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh  |      | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|------------------|------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                  |      |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 244 | 210244 | Lê Thanh         | Lâm  | 02/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.25     | 5.20      | 8.25 | 20.70 |         |
| 245 | 210245 | Nguyễn Thành Sơn | Lâm  | 04/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.25     | 3.80      | 3.50 | 11.55 |         |
| 246 | 210246 | Phạm Minh        | Lâm  | 24/05/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 6.25     | 3.80      | 5.00 | 15.05 |         |
| 247 | 210247 | Phạm Ngọc        | Lâm  | 24/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 5.00      | 5.00 | 16.50 |         |
| 248 | 210248 | Trần Nhật        | Lâm  | 18/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.42     | 7.20      | 8.50 | 23.12 |         |
| 249 | 210249 | Trần Nhật        | Lâm  | 18/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 7.60      | 9.00 | 24.10 |         |
| 250 | 210250 | Vũ Sơn           | Lâm  | 28/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.75     | 9.20      | 8.75 | 26.70 |         |
| 251 | 210251 | Hà Trúc          | Liên | 26/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 5.20      | 8.00 | 19.45 |         |
| 252 | 210252 | Lê Thị Bích      | Liên | 04/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 6.80      | 8.50 | 23.05 |         |
| 253 | 210253 | Mai Thị Bích     | Liên | 21/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.25     | 2.20      | 3.00 | 10.45 |         |
| 254 | 210254 | Bùi Thị Thùy     | Linh | 20/07/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 2.00      | 6.00 | 13.75 |         |
| 255 | 210255 | Cao Nguyễn Thùy  | Linh | 16/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 6.00      | 8.25 | 22.25 |         |
| 256 | 210256 | Đỗ Nguyễn Nhã    | Linh | 23/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Định Quán, Đồng Nai   | 0       | 0       | 7.25     | 3.20      | 7.25 | 17.70 |         |
| 257 | 210257 | Hoàng Thị Trúc   | Linh | 30/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 7.00      | 8.75 | 23.75 |         |
| 258 | 210258 | Lê Diệp Kiều     | Linh | 31/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 2.20      | 3.00 | 11.95 |         |
| 259 | 210259 | Nguyễn Đức       | Linh | 25/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.50     | 2.60      | 2.50 | 10.60 |         |
| 260 | 210260 | Phạm Ngọc        | Linh | 21/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Thành phố Hồ Chí Minh | 0       | 0       | 7.75     | 6.40      | 8.00 | 22.15 |         |
| 261 | 210261 | Trần Hoàng       | Linh | 21/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 3.40      | 5.75 | 14.15 |         |
| 262 | 210262 | Trần Nguyễn Ngọc | Linh | 06/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 9.25     | 9.00      | 8.75 | 27.00 |         |
| 263 | 210263 | Vũ Nguyễn Thành  | Linh | 25/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 5.20      | 4.00 | 15.45 |         |
| 264 | 210264 | Nguyễn Huỳnh Cẩm | Loan | 12/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 6.00      | 8.75 | 22.50 |         |
| 265 | 210265 | Nguyễn Thị Kim   | Loan | 18/10/2009 | Nữ        | Kinh    | Gia Nghĩa, Đắk Nông   | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 266 | 210266 | Phùng Thị Cẩm    | Loan | 30/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.50     | 3.00      | 4.00 | 11.50 |         |
| 267 | 210267 | Bùi Nguyễn Phước | Lộc  | 29/06/2009 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 8.75     | 7.40      | 8.50 | 24.65 |         |
| 268 | 210268 | Hà Tấn           | Lộc  | 30/01/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 5.50     | 2.60      | 6.50 | 14.60 |         |
| 269 | 210269 | Lê Trần Duy      | Lộc  | 25/07/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 5.25     | 2.40      | 1.50 | 9.15  |         |
| 270 | 210270 | Trần Tấn         | Lộc  | 03/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 3.60      | 7.50 | 17.85 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh     |      | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|---------------------|------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                     |      |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 271 | 210271 | Trần Văn            | Lợi  | 26/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 2.80      | 7.50 | 16.55 |         |
| 272 | 210272 | Bùi Hoàng Bảo       | Long | 09/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.08     | 1.80      | 6.00 | 13.88 |         |
| 273 | 210273 | Lê Hoàng            | Long | 12/10/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 6.50     | 4.20      | 8.25 | 18.95 |         |
| 274 | 210274 | Ngô Minh            | Long | 01/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 6.40      | 6.75 | 20.65 |         |
| 275 | 210275 | Nguyễn Minh         | Long | 12/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.75     | 3.80      | 4.25 | 11.80 |         |
| 276 | 210276 | Nguyễn Võ Thành     | Long | 20/05/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 3.25     | 3.20      | 5.00 | 11.45 |         |
| 277 | 210277 | Phạm Tùng           | Long | 27/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đồng Nai              | 0       | 0       | 7.00     | 6.00      | 8.00 | 21.00 |         |
| 278 | 210278 | Trần Bảo            | Long | 28/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 2.00      | 5.25 | 13.75 |         |
| 279 | 210279 | Hoàng Đình          | Luân | 20/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 0.50     | V         | V    | V     |         |
| 280 | 210280 | Lê Thành            | Luân | 18/09/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.75     | 7.40      | 6.00 | 20.15 |         |
| 281 | 210281 | Nguyễn Phi          | Luân | 03/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đồng Tháp             | 0       | 0       | 5.50     | 1.80      | 2.50 | 9.80  |         |
| 282 | 210282 | Châu Tri Gia        | Luật | 12/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 2.00      | 4.25 | 11.25 |         |
| 283 | 210283 | Huỳnh Tấn           | Lực  | 09/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.00     | 1.80      | 2.25 | 8.05  |         |
| 284 | 210284 | Ngô Ngọc Quỳnh      | Ly   | 12/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.75     | 5.60      | 7.00 | 19.35 |         |
| 285 | 210285 | Trương Nguyễn Khánh | Ly   | 09/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 4.60      | 5.50 | 17.85 |         |
| 286 | 210286 | Vũ Thị Khánh        | Ly   | 16/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 5.40      | 7.25 | 19.65 |         |
| 287 | 210287 | Lê Phương           | Mai  | 01/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Trường, Nam Định | 0       | 0       | 7.75     | 5.00      | 8.00 | 20.75 |         |
| 288 | 210288 | Nguyễn Thị Tuyết    | Mai  | 20/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 5.40      | 7.00 | 20.15 |         |
| 289 | 210289 | Trần Lê Trúc        | Mai  | 23/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 9.40      | 6.00 | 23.15 |         |
| 290 | 210290 | Lê Ngọc Minh        | Mẫn  | 23/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 6.60      | 8.50 | 23.35 |         |
| 291 | 210291 | Ngô Phan Đình       | Mẫn  | 03/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 292 | 210292 | Nguyễn Triệu        | Mẫn  | 16/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 3.60      | 8.75 | 20.60 |         |
| 293 | 210293 | Chế Vũ Văn          | Minh | 08/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 3.20      | 4.00 | 12.20 |         |
| 294 | 210294 | Dương Nguyễn Tuấn   | Minh | 07/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 5.60      | 8.00 | 20.60 |         |
| 295 | 210295 | Hà Cao              | Minh | 09/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 0.50     | 1.80      | 3.50 | 5.80  |         |
| 296 | 210296 | Lê Châu             | Minh | 24/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.83     | 2.00      | 2.75 | 9.58  |         |
| 297 | 210297 | Lê Duy Bình         | Minh | 21/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 3.60      | 5.25 | 15.35 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh   |      | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                   |      |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 298 | 210298 | Lê Hoàng          | Minh | 20/11/2010 | Nam       | Kinh    | Tur Nghĩa, Quảng Ngãi | 0       | 0       | 6.00     | 4.40      | 7.75 | 18.15 |         |
| 299 | 210299 | Hoàng Trà         | My   | 04/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.50     | 7.40      | 8.25 | 24.15 |         |
| 300 | 210300 | Lê Thảo           | My   | 21/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 5.20      | 8.00 | 19.45 |         |
| 301 | 210301 | Lê Thị Diễm       | My   | 11/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 6.25     | 3.20      | 5.50 | 14.95 |         |
| 302 | 210302 | Ngô Thị Trà       | My   | 28/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 5.00      | 8.25 | 21.00 |         |
| 303 | 210303 | Nguyễn Diễm       | My   | 20/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 3.80      | 3.50 | 12.30 |         |
| 304 | 210304 | Nguyễn Hoàng Thảo | My   | 21/07/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 5.50     | 4.80      | 6.00 | 16.30 |         |
| 305 | 210305 | Nguyễn Lê Trà     | My   | 24/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 2.80      | 4.50 | 13.05 |         |
| 306 | 210306 | Nguyễn Trà        | My   | 05/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 3.00     | 2.20      | 0.50 | 5.70  |         |
| 307 | 210307 | Nông Lại Thảo     | My   | 24/08/2010 | Nữ        | Tày     | Đức Linh, Bình Thuận  | 1       | 0       | 8.50     | 9.20      | 8.75 | 27.45 |         |
| 308 | 210308 | Phạm Hoài Thảo    | My   | 27/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 8.00     | 5.40      | 7.75 | 21.15 |         |
| 309 | 210309 | Tổng Thị Kiều     | My   | 10/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 5.00      | 5.25 | 17.25 |         |
| 310 | 210310 | Trịnh Thảo        | My   | 14/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 5.80      | 6.00 | 17.55 |         |
| 311 | 210311 | Trịnh Thị Hoàng   | My   | 12/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 2.80      | 4.75 | 13.80 |         |
| 312 | 210312 | Lương Triệu       | Mỹ   | 12/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 6.75     | 1.80      | 8.00 | 16.55 |         |
| 313 | 210313 | Nguyễn Ngọc       | Na   | 29/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 3.00      | 3.50 | 13.00 |         |
| 314 | 210314 | Nguyễn Ngọc Ni    | Na   | 07/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.50     | 7.60      | 8.50 | 24.60 |         |
| 315 | 210315 | Nguyễn Ngọc Ni    | Na   | 27/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 1.25     | 2.80      | 2.75 | 6.80  |         |
| 316 | 210316 | Trần La Ly        | Na   | 14/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 5.50     | 1.20      | 2.50 | 9.20  |         |
| 317 | 210317 | Đặng Hoàng        | Nam  | 17/06/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 7.25     | 5.60      | 8.75 | 21.60 |         |
| 318 | 210318 | Hồ Sĩ             | Nam  | 05/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 5.00      | 8.50 | 20.50 |         |
| 319 | 210319 | Nguyễn Bảo        | Nam  | 30/10/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 7.25     | 6.80      | 8.00 | 22.05 |         |
| 320 | 210320 | Nguyễn Lê Hoàng   | Nam  | 08/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.08     | 6.40      | 8.50 | 20.98 |         |
| 321 | 210321 | Phạm Hoàng Khánh  | Nam  | 15/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 5.80      | 5.50 | 16.30 |         |
| 322 | 210322 | Võ Hà             | Nam  | 07/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.25     | 1.00      | 0.25 | 4.50  |         |
| 323 | 210323 | Trần Tuyết        | Nga  | 05/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.50     | 7.00      | 8.00 | 23.50 |         |
| 324 | 210324 | Đào Thị Hồng      | Ngân | 31/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 2.80      | 4.00 | 12.55 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh   |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|-------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                   |       |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 325 | 210325 | Hồ Thị Thanh      | Ngân  | 21/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.00     | 3.80      | 5.00 | 13.80 |         |
| 326 | 210326 | Hoàng Nguyễn Kim  | Ngân  | 31/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.75     | 2.80      | 2.25 | 9.80  |         |
| 327 | 210327 | Lê Thị Kim        | Ngân  | 14/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Nam Sách, Hải Dương  | 0       | 0       | 7.50     | 5.00      | 7.00 | 19.50 |         |
| 328 | 210328 | Mạc Nguyễn Kim    | Ngân  | 03/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 6.20      | 7.00 | 20.95 |         |
| 329 | 210329 | Nguyễn Ngọc Kim   | Ngân  | 24/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 3.20      | 6.50 | 16.70 |         |
| 330 | 210330 | Nguyễn Ngọc Tường | Ngân  | 07/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 4.40      | 7.25 | 19.40 |         |
| 331 | 210331 | Nguyễn T. Khánh   | Ngân  | 15/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Bình Dương           | 0       | 0       | 6.00     | 2.20      | 3.25 | 11.45 |         |
| 332 | 210332 | Nguyễn Thị Bích   | Ngân  | 28/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 1       | 8.25     | 7.20      | 8.50 | 24.95 |         |
| 333 | 210333 | Nguyễn Thị Thanh  | Ngân  | 03/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai | 0       | 0       | 1.50     | 1.80      | 2.00 | 5.30  |         |
| 334 | 210334 | Phạm Nguyễn Kim   | Ngân  | 24/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 7.80      | 9.00 | 24.05 |         |
| 335 | 210335 | Phạm Trần Thái    | Ngân  | 10/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 4.00      | 7.25 | 17.75 |         |
| 336 | 210336 | Trần Thanh        | Ngân  | 19/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 5.00      | 6.00 | 17.75 |         |
| 337 | 210337 | Võ Hoàng Thúy     | Ngân  | 03/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.75     | 3.40      | 5.25 | 14.40 |         |
| 338 | 210338 | Võ Lê Kim         | Ngân  | 10/02/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 7.75     | 7.60      | 7.75 | 23.10 |         |
| 339 | 210339 | Đỗ Gia            | Nghi  | 18/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 6.60      | 7.00 | 20.10 |         |
| 340 | 210340 | Nguyễn Hoàng Gia  | Nghi  | 05/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 4.20      | 4.50 | 15.45 |         |
| 341 | 210341 | Nguyễn Duy        | Nghĩa | 27/07/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai | 0       | 0       | 6.00     | 6.00      | 7.00 | 19.00 |         |
| 342 | 210342 | Mai Thị Thanh     | Ngoan | 29/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 7.20      | 7.25 | 21.95 |         |
| 343 | 210343 | Đặng Thị Kim      | Ngọc  | 13/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 8.60      | 8.50 | 24.60 |         |
| 344 | 210344 | Dương Bảo         | Ngọc  | 14/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 4.20      | 6.33 | 18.28 |         |
| 345 | 210345 | Lâm Thanh         | Ngọc  | 08/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Bình Dương           | 0       | 0       | 5.25     | 1.80      | 6.50 | 13.55 |         |
| 346 | 210346 | Lê Thị Ánh        | Ngọc  | 27/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 3.20      | 6.25 | 16.20 |         |
| 347 | 210347 | Nguyễn Như        | Ngọc  | 20/12/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 7.75     | 6.40      | 8.00 | 22.15 |         |
| 348 | 210348 | Nguyễn Vũ Khánh   | Ngọc  | 04/11/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 6.50     | 5.40      | 6.75 | 18.65 |         |
| 349 | 210349 | Phạm Thị Bảo      | Ngọc  | 23/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.25     | 5.40      | 5.75 | 17.40 |         |
| 350 | 210350 | Võ Huỳnh Dạ       | Ngọc  | 02/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 8.20      | 8.50 | 24.45 |         |
| 351 | 210351 | Võ Lê Khánh       | Ngọc  | 11/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 6.80      | 9.00 | 23.55 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh   |        | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|--------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                   |        |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 352 | 210352 | Bùi Thị Thảo      | Nguyên | 29/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 4.80      | 7.25 | 19.55 |         |
| 353 | 210353 | Lê Hồ Ngọc        | Nguyên | 07/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 4.20      | 7.50 | 19.70 |         |
| 354 | 210354 | Lê Nguyễn Thanh   | Nguyên | 09/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 4.60      | 7.50 | 20.10 |         |
| 355 | 210355 | Nguyễn Hoàng Thảo | Nguyên | 07/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 8.60      | 8.50 | 24.60 |         |
| 356 | 210356 | Nguyễn Khôi       | Nguyên | 20/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 1.50     | 1.60      | 1.25 | 4.35  |         |
| 357 | 210357 | Nguyễn Lê Khôi    | Nguyên | 03/06/2010 | Nam       | Kinh    | Bình Phước           | 0       | 0       | 3.75     | 2.20      | 3.75 | 9.70  |         |
| 358 | 210358 | Nguyễn Nam        | Nguyên | 28/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 2.25     | 2.00      | 0.75 | 5.00  |         |
| 359 | 210359 | Nguyễn Ngọc Thảo  | Nguyên | 14/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 6.00      | 6.00 | 18.50 |         |
| 360 | 210360 | Nguyễn Thảo       | Nguyên | 21/06/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0.5     | 7.25     | 9.40      | 7.25 | 24.40 |         |
| 361 | 210361 | Trần Nguyễn Hương | Nguyên | 16/03/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 7.00     | 7.20      | 8.25 | 22.45 |         |
| 362 | 210362 | Võ Huỳnh          | Nhân   | 27/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 7.40      | 4.25 | 18.15 |         |
| 363 | 210363 | Nguyễn Long       | Nhật   | 04/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.75     | 3.40      | 7.50 | 16.65 |         |
| 364 | 210364 | Nguyễn Minh       | Nhật   | 07/01/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.00     | 1.60      | 7.25 | 14.85 |         |
| 365 | 210365 | Nguyễn Minh       | Nhật   | 24/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.25     | 3.00      | 4.00 | 12.25 |         |
| 366 | 210366 | Bùi Thị Tuyết     | Nhi    | 28/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.25     | 2.80      | 8.50 | 17.55 |         |
| 367 | 210367 | Bùi Thị Yến       | Nhi    | 13/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 8.40      | 8.50 | 24.40 |         |
| 368 | 210368 | Đình Hoàng        | Nhi    | 26/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 1.25     | 3.20      | 0.75 | 5.20  |         |
| 369 | 210369 | Hồ Thị Uyển       | Nhi    | 14/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.25     | 4.20      | 8.00 | 18.45 |         |
| 370 | 210370 | Lê Nguyễn Khánh   | Nhi    | 06/04/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 6.75     | 5.40      | 5.75 | 17.90 |         |
| 371 | 210371 | Lê Thị Tuyết      | Nhi    | 17/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 6.80      | 8.50 | 23.05 |         |
| 372 | 210372 | Lê Thị Yến        | Nhi    | 10/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 7.20      | 7.00 | 20.70 |         |
| 373 | 210373 | Lê Thụy Phương    | Nhi    | 28/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 9.00      | 8.25 | 23.75 |         |
| 374 | 210374 | Lê Trần Bảo       | Nhi    | 16/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.00     | 4.60      | 6.75 | 17.35 |         |
| 375 | 210375 | Nguyễn Hoàng Yến  | Nhi    | 26/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.25     | 2.80      | 7.50 | 15.55 |         |
| 376 | 210376 | Nguyễn Lê Uyên    | Nhi    | 26/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.50     | 5.20      | 6.25 | 15.95 |         |
| 377 | 210377 | Nguyễn Ngọc Ánh   | Nhi    | 15/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 6.80      | 8.50 | 23.30 |         |
| 378 | 210378 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Nhi    | 03/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.00     | 2.20      | 6.50 | 14.70 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh   |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|-------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                   |       |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 379 | 210379 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi   | 08/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.25     | 2.00      | 6.25 | 12.50 |         |
| 380 | 210380 | Nguyễn Trần Yến   | Nhi   | 07/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.75     | 9.20      | 7.50 | 25.45 |         |
| 381 | 210381 | Phan Thị Ngọc     | Nhi   | 21/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 5.20      | 6.00 | 17.95 |         |
| 382 | 210382 | Trần Ngọc Bảo     | Nhi   | 24/01/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Huế              | 0       | 0       | 6.75     | 6.40      | 7.50 | 20.65 |         |
| 383 | 210383 | Trần Thị Ngọc     | Nhi   | 14/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.00     | 1.00      | 3.75 | 10.75 |         |
| 384 | 210384 | Trần Thị Yến      | Nhi   | 18/09/2007 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 385 | 210385 | Võ Phương         | Nhi   | 13/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 6.60      | 8.50 | 21.85 |         |
| 386 | 210386 | Nguyễn Thị Ngọc   | Nhiên | 02/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Vũng Tàu             | 0       | 0       | 7.00     | 2.20      | 6.75 | 15.95 |         |
| 387 | 210387 | Đặng Quỳnh        | Như   | 21/03/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 8.50     | 9.00      | 8.75 | 26.25 |         |
| 388 | 210388 | Lê Ngọc Bảo       | Như   | 27/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.50     | 3.60      | 4.50 | 13.60 |         |
| 389 | 210389 | Lê Thụy Thanh     | Như   | 01/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.00     | 2.60      | 2.25 | 9.85  |         |
| 390 | 210390 | Nguyễn Khánh      | Như   | 28/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 8.40      | 9.00 | 25.65 |         |
| 391 | 210391 | Nguyễn Ngọc Bích  | Như   | 01/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.75     | 3.80      | 7.00 | 15.55 |         |
| 392 | 210392 | Nguyễn Quỳnh      | Như   | 01/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.00     | 3.80      | 4.00 | 11.80 |         |
| 393 | 210393 | Nguyễn Quỳnh      | Như   | 28/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 8.00      | 8.00 | 24.00 |         |
| 394 | 210394 | Nguyễn Quỳnh      | Như   | 22/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 7.25     | 6.80      | 9.00 | 23.05 |         |
| 395 | 210395 | Nguyễn Tổ         | Như   | 26/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 9.20      | 8.75 | 26.20 |         |
| 396 | 210396 | Phí Thị Quỳnh     | Như   | 19/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 5.80      | 9.00 | 21.80 |         |
| 397 | 210397 | Trần Khánh        | Như   | 27/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 9.60      | 8.00 | 25.85 |         |
| 398 | 210398 | Trần Ngọc Quỳnh   | Như   | 02/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 6.00      | 8.50 | 22.50 |         |
| 399 | 210399 | Trần Nguyễn Quỳnh | Như   | 08/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 7.40      | 8.75 | 23.40 |         |
| 400 | 210400 | Mai Thị Hồng      | Nhung | 23/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 4.60      | 7.25 | 19.10 |         |
| 401 | 210401 | Nguyễn Thị Hồng   | Nhung | 07/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.50     | 4.60      | 4.25 | 14.35 |         |
| 402 | 210402 | Phạm Thanh        | Nhung | 11/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.00     | 2.40      | 6.00 | 14.40 |         |
| 403 | 210403 | Phạm Ngọc         | Nhật  | 09/09/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.75     | 2.40      | 5.25 | 12.40 |         |
| 404 | 210404 | Phạm Quỳnh        | Ni    | 30/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 6.40      | 8.25 | 22.40 |         |
| 405 | 210405 | Phan Gia Bảo      | Ny    | 27/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 5.20      | 8.00 | 19.95 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh   |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|-------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                   |       |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 406 | 210406 | Lê Thị Kiều       | Oanh  | 08/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.50     | 4.20      | 5.50 | 15.20 |         |
| 407 | 210407 | Nguyễn Lê Huy     | Phan  | 11/07/2010 | Nam       | Kinh    | Lâm Đồng              | 0       | 0       | 4.00     | 2.80      | 7.75 | 14.55 |         |
| 408 | 210408 | Hồ Nhật           | Phát  | 15/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 6.00      | 8.50 | 21.25 |         |
| 409 | 210409 | Huỳnh Tấn         | Phát  | 09/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 2.40      | 4.50 | 11.90 |         |
| 410 | 210410 | Lê Công Tiến      | Phát  | 08/03/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 5.00      | 7.50 | 19.25 |         |
| 411 | 210411 | Lê Ngọc Tấn       | Phát  | 06/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 1.40      | 3.50 | 11.15 |         |
| 412 | 210412 | Ngô Gia           | Phát  | 04/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 6.00      | 7.25 | 19.00 |         |
| 413 | 210413 | Nguyễn Đức        | Phát  | 20/01/2010 | Nam       | Nùng    | Tánh Linh, Bình Thuận | 1       | 0       | 8.00     | 7.20      | 9.00 | 25.20 |         |
| 414 | 210414 | Trần Tấn          | Phát  | 03/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 6.60      | 7.00 | 19.60 |         |
| 415 | 210415 | Trần Viết         | Phát  | 21/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 4.60      | 7.50 | 19.10 |         |
| 416 | 210416 | Trương Tiến       | Phát  | 09/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 5.00      | 7.50 | 19.25 |         |
| 417 | 210417 | Võ Hữu            | Phát  | 19/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 2.40      | 6.00 | 15.40 |         |
| 418 | 210418 | Cao Nhật          | Phi   | 15/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 7.80      | 8.50 | 24.05 |         |
| 419 | 210419 | Từ Tấn            | Phi   | 17/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 2.00     | 2.20      | 2.50 | 6.70  |         |
| 420 | 210420 | Bùi Thanh Quốc    | Phong | 07/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 5.40      | 8.00 | 21.40 |         |
| 421 | 210421 | Đào Đình Vũ       | Phong | 07/09/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 7.75     | 3.20      | 8.50 | 19.45 |         |
| 422 | 210422 | Nguyễn Thanh      | Phong | 12/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 5.80      | 8.75 | 22.55 |         |
| 423 | 210423 | Nguyễn Vũ         | Phong | 22/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 9.60      | 9.00 | 26.85 |         |
| 424 | 210424 | Tiêu Đình         | Phong | 18/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 4.60      | 8.50 | 21.10 |         |
| 425 | 210425 | Phạm Đặng Gia     | Phú   | 16/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0.5     | 8.75     | 9.20      | 9.50 | 27.95 |         |
| 426 | 210426 | Trần Đình Đức     | Phú   | 05/04/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 7.25     | 8.40      | 8.50 | 24.15 |         |
| 427 | 210427 | Đình Nguyễn Hoàng | Phúc  | 07/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 9.20      | 8.00 | 24.95 |         |
| 428 | 210428 | Hồ Đăng           | Phúc  | 03/10/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 3.20      | 6.50 | 16.45 |         |
| 429 | 210429 | Lương Ngọc        | Phúc  | 23/03/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 6.20      | 9.00 | 22.95 |         |
| 430 | 210430 | Nguyễn Gia        | Phúc  | 23/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 3.80      | 7.75 | 17.55 |         |
| 431 | 210431 | Nguyễn Thị Thanh  | Phúc  | 31/01/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 8.75     | 7.20      | 8.75 | 24.70 |         |
| 432 | 210432 | Trần Văn          | Phúc  | 23/11/2010 | Nam       | Kinh    | Long Thành, Đồng Nai  | 0       | 0       | 3.50     | 3.40      | 8.25 | 15.15 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh    |        | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh               | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|--------|------------|-----------|---------|------------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                    |        |            |           |         |                        |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 433 | 210433 | Võ Đức Như         | Phúc   | 01/01/2010 | Nam       | Kinh    | Phan Thiết, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 3.40      | 7.50 | 17.90 |         |
| 434 | 210434 | Vũ Đình            | Phúc   | 24/04/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.00     | 3.60      | 7.75 | 17.35 |         |
| 435 | 210435 | Cao Hữu            | Phước  | 20/10/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh        | 0       | 0       | 5.75     | 1.80      | 6.50 | 14.05 |         |
| 436 | 210436 | Đỗ Công Thiên      | Phước  | 10/11/2009 | Nam       | Kinh    | Định Quán, Đồng Nai    | 0       | 0       | 7.00     | 2.80      | 7.50 | 17.30 |         |
| 437 | 210437 | Huỳnh Bảo          | Phước  | 05/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.00     | 5.40      | 6.75 | 18.15 |         |
| 438 | 210438 | Nguyễn Hữu         | Phước  | 25/04/2010 | Nam       | Kinh    | Bình Dương             | 0       | 0       | 8.50     | 9.80      | 9.50 | 27.80 |         |
| 439 | 210439 | Lê Hà Nhã          | Phương | 12/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.00     | 6.00      | 7.00 | 19.00 |         |
| 440 | 210440 | Lê Kiều            | Phương | 06/10/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Cần Thơ            | 0       | 0       | 7.25     | 6.60      | 6.25 | 20.10 |         |
| 441 | 210441 | Lê Ngô Nguyên      | Phương | 23/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.75     | 7.60      | 8.00 | 23.35 |         |
| 442 | 210442 | Nguyễn Hoàng Ánh   | Phương | 25/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.50     | 6.60      | 6.75 | 20.85 |         |
| 443 | 210443 | Nguyễn Huy         | Phương | 22/01/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 5.00     | 2.00      | 1.50 | 8.50  |         |
| 444 | 210444 | Nguyễn Minh        | Phương | 08/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0.5     | 9.00     | 9.60      | 9.00 | 28.10 |         |
| 445 | 210445 | Nguyễn Ngô Duy     | Phương | 14/05/2010 | Nam       | Kinh    | La Gi, Bình Thuận      | 0       | 0       | 6.50     | 2.60      | 8.00 | 17.10 |         |
| 446 | 210446 | Nguyễn Thị Anh     | Phương | 27/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai     | 0       | 0       | 7.50     | 7.00      | 8.25 | 22.75 |         |
| 447 | 210447 | Trần Thiên         | Phương | 20/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 8.00     | 5.60      | 7.75 | 21.35 |         |
| 448 | 210448 | Phạm Hồng Kim      | Phượng | 23/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 1.5     | 5.75     | 4.40      | 7.25 | 18.90 |         |
| 449 | 210449 | Vũ Ngân Kim        | Phượng | 17/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0.5     | 8.25     | 9.40      | 8.75 | 26.90 |         |
| 450 | 210450 | Bùi Thanh          | Quân   | 18/03/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.50     | 8.20      | 9.00 | 24.70 |         |
| 451 | 210451 | Đỗ Lê Minh         | Quân   | 14/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 5.75     | 3.40      | 8.25 | 17.40 |         |
| 452 | 210452 | Hồ Minh            | Quân   | 12/06/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai   | 0       | 0       | 4.00     | 2.40      | 6.25 | 12.65 |         |
| 453 | 210453 | Nguyễn Anh         | Quân   | 20/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 4.75     | 3.40      | 8.25 | 16.40 |         |
| 454 | 210454 | Nguyễn Lê Minh     | Quân   | 25/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 2.50     | 6.80      | 6.50 | 15.80 |         |
| 455 | 210455 | Phạm Trần Hồng     | Quân   | 18/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.00     | 5.00      | 8.25 | 20.25 |         |
| 456 | 210456 | Võ Lê Minh         | Quốc   | 30/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.50     | 1.60      | 8.25 | 17.35 |         |
| 457 | 210457 | Nguyễn Ngọc Ánh    | Quyên  | 13/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0.5     | 8.00     | 9.40      | 9.00 | 26.90 |         |
| 458 | 210458 | Nguyễn Ngọc Phương | Quyên  | 20/04/2010 | Nữ        | Châu ro | Đức Linh, Bình Thuận   | 1       | 0       | 6.00     | 1.60      | 4.50 | 13.10 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh   |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|-------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                   |       |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 459 | 210459 | Nguyễn Thị Lệ     | Quyên | 08/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đồng Nai             | 0       | 0       | 7.25     | 5.00      | 7.00 | 19.25 |         |
| 460 | 210460 | Nguyễn Thị Lệ     | Quyên | 28/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.75     | 5.40      | 5.00 | 17.15 |         |
| 461 | 210461 | Nguyễn Tố         | Quyên | 04/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 6.40      | 6.25 | 20.15 |         |
| 462 | 210462 | Phạm Diệu         | Quyên | 01/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 5.00      | 7.75 | 21.00 |         |
| 463 | 210463 | Phạm Lệ           | Quyên | 01/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.50     | 5.60      | 9.00 | 23.10 |         |
| 464 | 210464 | Đặng Như          | Quỳnh | 14/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 6.40      | 8.25 | 22.15 |         |
| 465 | 210465 | Nguyễn Diễm       | Quỳnh | 03/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 5.40      | 7.50 | 19.40 |         |
| 466 | 210466 | Nguyễn Diễm       | Quỳnh | 12/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 7.60      | 8.75 | 23.85 |         |
| 467 | 210467 | Nguyễn Ngọc Như   | Quỳnh | 08/12/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 5.25     | 5.60      | 5.00 | 15.85 |         |
| 468 | 210468 | Nguyễn Ngọc Trúc  | Quỳnh | 29/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 4.60      | 5.75 | 18.10 |         |
| 469 | 210469 | Nguyễn Thị Thúy   | Quỳnh | 26/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 0.50     | 2.60      | 1.00 | 4.10  |         |
| 470 | 210470 | Nguyễn Yến Như    | Quỳnh | 26/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 471 | 210471 | Phạm Thị Như      | Quỳnh | 15/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 3.00      | 7.75 | 18.00 |         |
| 472 | 210472 | Quảng Khánh       | Quỳnh | 05/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 3.50     | 1.60      | 2.50 | 7.60  |         |
| 473 | 210473 | Đặng Minh         | Sang  | 12/05/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 2.00     | 2.80      | 1.75 | 6.55  |         |
| 474 | 210474 | Trịnh Ngọc Thanh  | Sang  | 02/05/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai | 0       | 0       | 6.25     | 3.80      | 7.75 | 17.80 |         |
| 475 | 210475 | Đình Trường       | Sơn   | 13/09/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 3.50     | 2.60      | 7.00 | 13.10 |         |
| 476 | 210476 | Lê Kim            | Sơn   | 09/08/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 5.75     | 5.80      | 4.00 | 15.55 |         |
| 477 | 210477 | Nguyễn Hoàng Ngọc | Sơn   | 24/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.00     | 3.00      | 7.50 | 14.50 |         |
| 478 | 210478 | Nguyễn Thái       | Sơn   | 22/10/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 3.25     | 3.80      | 5.50 | 12.55 |         |
| 479 | 210479 | Nguyễn Thái       | Sơn   | 04/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.75     | 3.00      | 3.00 | 11.75 |         |
| 480 | 210480 | Phan Ngọc         | Sơn   | 24/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 3.20      | 7.25 | 16.95 |         |
| 481 | 210481 | Đặng Thị Diễm     | Sương | 21/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 9.00      | 8.25 | 25.00 |         |
| 482 | 210482 | Nguyễn Hữu        | Tá    | 27/10/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh      | 0       | 0       | 7.25     | 6.00      | 8.50 | 21.75 |         |
| 483 | 210483 | Bùi Đức Minh      | Tài   | 29/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 9.40      | 8.50 | 25.65 |         |
| 484 | 210484 | Đoàn Văn          | Tài   | 27/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 1.25     | 0.00      | 2.00 | 3.25  |         |
| 485 | 210485 | Lê Ngọc Hữu       | Tài   | 09/03/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 4.75     | 4.40      | 4.75 | 13.90 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh    |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|-------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                    |       |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 486 | 210486 | Nguyễn Anh         | Tài   | 28/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.50     | 2.80      | 3.50 | 10.80 |         |
| 487 | 210487 | Nguyễn Cao Phước   | Tài   | 19/08/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.50     | 5.20      | 8.00 | 18.70 |         |
| 488 | 210488 | Nguyễn Thành       | Tài   | 06/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 8.80      | 9.00 | 24.05 |         |
| 489 | 210489 | Nguyễn Trí         | Tài   | 16/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 5.20      | 8.75 | 18.95 |         |
| 490 | 210490 | Nguyễn Tuấn        | Tài   | 15/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.50     | 5.40      | 6.00 | 16.90 |         |
| 491 | 210491 | Nguyễn Lê Tú       | Tâm   | 03/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 6.60      | 7.50 | 21.60 |         |
| 492 | 210492 | Nguyễn Phúc Thanh  | Tâm   | 15/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Thành phố Hồ Chí Minh | 0       | 0       | 8.25     | 7.60      | 8.50 | 24.35 |         |
| 493 | 210493 | Nguyễn Thanh       | Tân   | 17/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 8.20      | 7.75 | 20.95 |         |
| 494 | 210494 | Đoàn Hùng          | Thạch | 30/04/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.00     | 2.20      | 3.75 | 8.95  |         |
| 495 | 210495 | Trần Phúc          | Thái  | 25/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 9.20      | 9.00 | 25.70 |         |
| 496 | 210496 | Bùi Trần Quốc      | Thắng | 19/03/2010 | Nam       | Kinh    | Đồng Nai              | 0       | 0       | 4.00     | 3.20      | 8.00 | 15.20 |         |
| 497 | 210497 | Nguyễn Ngọc        | Thắng | 05/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.25     | 2.40      | 4.50 | 10.15 |         |
| 498 | 210498 | Bùi Phạm Thanh     | Thanh | 08/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.25     | 3.40      | 7.25 | 17.90 |         |
| 499 | 210499 | Nguyễn Chí         | Thanh | 28/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.75     | 7.20      | 9.00 | 24.95 |         |
| 500 | 210500 | Nguyễn Thị Thanh   | Thanh | 16/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Bù Đăng, Bình Phước   | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 501 | 210501 | Trần Thanh         | Thanh | 01/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 7.80      | 7.25 | 23.30 |         |
| 502 | 210502 | Đoàn Xuân          | Thành | 05/09/2010 | Nam       | Kinh    | Quế Sơn, Quảng Nam    | 0       | 0       | 6.00     | 1.40      | 4.75 | 12.15 |         |
| 503 | 210503 | Lê Thị Mỹ          | Thành | 26/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 6.00      | 6.75 | 20.75 |         |
| 504 | 210504 | Đặng Thanh         | Thảo  | 03/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.50     | 2.60      | 3.50 | 9.60  |         |
| 505 | 210505 | Lê Phương          | Thảo  | 19/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 7.80      | 9.00 | 23.80 |         |
| 506 | 210506 | Lê Thanh           | Thảo  | 19/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 6.50     | 3.60      | 8.25 | 18.35 |         |
| 507 | 210507 | Nguyễn Ngọc Phương | Thảo  | 14/09/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.25     | 8.80      | 8.50 | 24.55 |         |
| 508 | 210508 | Nguyễn Thị Thanh   | Thảo  | 25/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.25     | 4.40      | 7.00 | 15.65 |         |
| 509 | 210509 | Nguyễn Thị Thanh   | Thảo  | 27/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 7.40      | 6.50 | 20.40 |         |
| 510 | 210510 | Trần Thị Thu       | Thảo  | 03/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 4.20      | 7.75 | 17.95 |         |
| 511 | 210511 | Huỳnh Thị Yến      | Thi   | 22/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 7.20      | 8.25 | 21.45 |         |
| 512 | 210512 | Nguyễn Văn         | Thi   | 29/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 3.00      | 3.25 | 12.00 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh     |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|---------------------|-------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                     |       |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 513 | 210513 | Trần Hoàng Gia      | Thi   | 22/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.25     | 2.20      | 0.50 | 7.95  |         |
| 514 | 210514 | Bùi Tấn             | Thiên | 03/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 6.80      | 8.00 | 21.55 |         |
| 515 | 210515 | Huỳnh Chí           | Thiện | 30/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 4.60      | 8.25 | 19.35 |         |
| 516 | 210516 | Huỳnh Đức           | Thiện | 13/02/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 8.00     | 9.20      | 8.75 | 25.95 |         |
| 517 | 210517 | Nguyễn Hoàng        | Thiện | 12/08/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.00     | 3.20      | 3.50 | 9.70  |         |
| 518 | 210518 | Nguyễn Hoàng        | Thiện | 29/10/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 7.00     | 5.40      | 7.50 | 19.90 |         |
| 519 | 210519 | Nguyễn Phúc         | Thiện | 11/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 6.40      | 8.50 | 22.90 |         |
| 520 | 210520 | Nguyễn Văn Đức      | Thiện | 30/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 5.60      | 8.75 | 21.35 |         |
| 521 | 210521 | Điền Văn Quốc       | Thịnh | 31/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.50     | 2.40      | 1.75 | 9.65  |         |
| 522 | 210522 | Hoàng Nguyễn Trường | Thịnh | 24/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.25     | 4.00      | 7.50 | 18.75 |         |
| 523 | 210523 | Hoàng Văn           | Thịnh | 01/02/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 5.00     | 6.60      | 7.00 | 18.60 |         |
| 524 | 210524 | Lê Thị Như          | Thơ   | 20/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 4.20      | 4.25 | 14.95 |         |
| 525 | 210525 | Lưu Nguyễn Quỳnh    | Thơ   | 11/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.50     | 2.00      | 3.00 | 9.50  |         |
| 526 | 210526 | Lê Hoàng Kim        | Thoa  | 18/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0.5     | 8.00     | 8.80      | 9.00 | 26.30 |         |
| 527 | 210527 | Lê Thị Kim          | Thoa  | 16/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 3.20      | 4.25 | 13.70 |         |
| 528 | 210528 | Bùi Văn             | Thoại | 13/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.00     | 3.80      | 5.25 | 15.05 |         |
| 529 | 210529 | Bùi Ngọc Minh       | Thư   | 21/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 3.00      | 5.25 | 15.75 |         |
| 530 | 210530 | Cao Thị Anh         | Thư   | 09/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.25     | 2.40      | 4.50 | 12.15 |         |
| 531 | 210531 | Lê Minh             | Thư   | 08/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 7.60      | 9.00 | 24.85 |         |
| 532 | 210532 | Lê Ngọc Kỳ          | Thư   | 18/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Tân Phước, Tiền Giang | 0       | 0       | 7.25     | 7.40      | 8.50 | 23.15 |         |
| 533 | 210533 | Lương Thị Minh      | Thư   | 09/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.50     | 4.40      | 5.25 | 14.15 |         |
| 534 | 210534 | Mai Kim             | Thư   | 29/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 5.00      | 8.25 | 21.25 |         |
| 535 | 210535 | Mai Nguyễn Minh     | Thư   | 23/01/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 536 | 210536 | Nguyễn Minh         | Thư   | 16/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Bà Rịa, Vũng Tàu      | 0       | 0       | 5.58     | 2.20      | 4.50 | 12.28 |         |
| 537 | 210537 | Nguyễn Ngọc Minh    | Thư   | 01/05/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 6.17     | 1.60      | V    | V     |         |
| 538 | 210538 | Nguyễn Thị Anh      | Thư   | 06/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 4.20      | 5.25 | 15.70 |         |
| 539 | 210539 | Trần Ngọc Anh       | Thư   | 23/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 3.20      | 6.00 | 15.70 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh    |        | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|--------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                    |        |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 540 | 210540 | Nguyễn Đức Anh     | Thuận  | 09/07/2010 | Nam       | Kinh    | Tháp Chàm, Ninh Thuận | 0       | 0       | 5.75     | 6.00      | 3.00 | 14.75 |         |
| 541 | 210541 | Phạm Quang         | Thuận  | 09/06/2010 | Nam       | Kinh    | Định Quán, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.75     | 6.60      | 9.00 | 22.35 |         |
| 542 | 210542 | Bùi Thị Thanh      | Thương | 28/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 5.50     | 3.20      | 7.75 | 16.45 |         |
| 543 | 210543 | Đỗ Thị Hoài        | Thương | 28/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Lương Tài, Bắc Ninh   | 0       | 0       | 7.25     | 4.00      | 6.50 | 17.75 |         |
| 544 | 210544 | Lê Thị Hoài        | Thương | 22/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.25     | 4.40      | 6.00 | 17.65 |         |
| 545 | 210545 | Phạm Hoài          | Thương | 17/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 8.80      | 8.25 | 25.05 |         |
| 546 | 210546 | Nguyễn Hoàng Anh   | Thúy   | 01/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 1.25     | 2.20      | 3.50 | 6.95  |         |
| 547 | 210547 | Nguyễn Đan         | Thùy   | 03/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.25     | 2.40      | 6.25 | 14.90 |         |
| 548 | 210548 | Võ Cao Minh        | Thùy   | 08/01/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 7.00     | 8.20      | 6.50 | 21.70 |         |
| 549 | 210549 | Nguyễn Thị Thanh   | Thùy   | 28/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 3.20      | 3.25 | 12.70 |         |
| 550 | 210550 | Nguyễn Hoàng Gia   | Thuyên | 06/05/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 4.00     | 2.20      | 1.50 | 7.70  |         |
| 551 | 210551 | Lê Quỳnh           | Thy    | 08/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.50     | 8.40      | 7.00 | 23.90 |         |
| 552 | 210552 | Nguyễn Hoàng Quỳnh | Thy    | 07/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 4.00      | 8.25 | 20.25 |         |
| 553 | 210553 | Nguyễn Huỳnh Khánh | Thy    | 23/05/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 7.75     | 9.40      | 8.25 | 25.40 |         |
| 554 | 210554 | Nguyễn Lê Minh     | Thy    | 20/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 9.00      | 8.75 | 25.75 |         |
| 555 | 210555 | Nguyễn Ngô Bảo     | Thy    | 27/10/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.00     | 3.40      | 3.00 | 11.40 |         |
| 556 | 210556 | Nguyễn Thị Bảo     | Thy    | 04/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 5.20      | 7.75 | 19.45 |         |
| 557 | 210557 | Nguyễn Thị Khánh   | Thy    | 29/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 9.20      | 9.00 | 26.45 |         |
| 558 | 210558 | Nguyễn Trần Bảo    | Thy    | 17/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.50     | 9.40      | 8.75 | 26.65 |         |
| 559 | 210559 | Nguyễn Trần Khánh  | Thy    | 31/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.50     | 8.40      | 8.25 | 25.15 |         |
| 560 | 210560 | Trần Hoàng Bảo     | Thy    | 22/10/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 7.25     | 6.60      | 8.00 | 21.85 |         |
| 561 | 210561 | Trần Ngọc Bảo      | Thy    | 29/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 4.80      | 6.75 | 17.80 |         |
| 562 | 210562 | Vũ Nguyễn Khánh    | Thy    | 05/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 6.60      | 8.25 | 22.85 |         |
| 563 | 210563 | Bùi Thị Thủy       | Tiên   | 08/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 8.25     | 4.20      | 8.50 | 20.95 |         |
| 564 | 210564 | Lê Ánh             | Tiên   | 23/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 4.80      | 7.50 | 18.80 |         |
| 565 | 210565 | Phạm Thùy          | Tiên   | 26/03/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 7.00     | 6.20      | 7.50 | 20.70 |         |
| 566 | 210566 | Phan Thị Thủy      | Tiên   | 08/10/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 6.00     | 3.40      | 4.00 | 13.40 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh    |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|-------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                    |       |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 567 | 210567 | Huỳnh Trường Gia   | Tiến  | 11/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.00     | 2.80      | 0.00 | 6.80  |         |
| 568 | 210568 | Nguyễn Đức         | Tiến  | 08/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.50     | 7.40      | 6.25 | 19.15 |         |
| 569 | 210569 | Nguyễn Minh        | Tiến  | 07/01/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai | 0       | 0       | 7.00     | 6.40      | 7.75 | 21.15 |         |
| 570 | 210570 | Trần Nguyễn Hữu    | Tiến  | 07/02/2010 | Nam       | Kinh    | Thừa Thiên Huế       | 0       | 0       | 5.25     | 3.80      | 5.75 | 14.80 |         |
| 571 | 210571 | Nguyễn Xuân        | Tình  | 28/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.00     | 1.60      | 5.50 | 12.10 |         |
| 572 | 210572 | Nguyễn Châu        | Toàn  | 20/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.00     | 1.60      | 3.75 | 10.35 |         |
| 573 | 210573 | Hoàng Ngọc         | Trâm  | 19/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai | 0       | 0       | 6.25     | 4.40      | 7.00 | 17.65 |         |
| 574 | 210574 | Hoàng Thị Thùy     | Trâm  | 02/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 5.00      | 7.00 | 18.50 |         |
| 575 | 210575 | Huỳnh Thị Bảo      | Trâm  | 22/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 5.25     | 1.80      | 6.50 | 13.55 |         |
| 576 | 210576 | Mai Bảo            | Trâm  | 22/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 6.20      | 8.25 | 22.70 |         |
| 577 | 210577 | Nguyễn Bảo         | Trâm  | 05/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 3.00      | 4.00 | 13.75 |         |
| 578 | 210578 | Nguyễn Phương Ngọc | Trâm  | 25/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 6.20      | 8.25 | 22.20 |         |
| 579 | 210579 | Nguyễn Thị Quỳnh   | Trâm  | 19/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 6.40      | 7.75 | 21.90 |         |
| 580 | 210580 | Phạm Đặng Quỳnh    | Trâm  | 29/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 6.20      | 8.50 | 22.95 |         |
| 581 | 210581 | Trần Ngọc          | Trâm  | 15/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 3.60      | 8.25 | 18.85 |         |
| 582 | 210582 | Trần Nguyễn Bảo    | Trâm  | 29/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.50     | 8.00      | 8.75 | 25.25 |         |
| 583 | 210583 | Trần Thị Thu       | Trâm  | 09/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 7.20      | 8.50 | 22.95 |         |
| 584 | 210584 | Võ Hoài Huyền      | Trâm  | 12/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 4.20      | 7.50 | 18.95 |         |
| 585 | 210585 | Đặng Huỳnh Bảo     | Trân  | 17/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 8.60      | 8.00 | 23.60 |         |
| 586 | 210586 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Trân  | 08/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 8.00      | 8.50 | 23.75 |         |
| 587 | 210587 | Nguyễn Thị Bảo     | Trân  | 16/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.50     | 4.60      | 6.00 | 16.10 |         |
| 588 | 210588 | Nguyễn Thị Quế     | Trân  | 24/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.25     | 6.80      | 6.75 | 19.80 |         |
| 589 | 210589 | Nguyễn Trần Bảo    | Trân  | 17/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 4.60      | 7.00 | 19.60 |         |
| 590 | 210590 | Dương Thị Ngọc     | Trang | 03/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.00     | 6.40      | 7.25 | 20.65 |         |
| 591 | 210591 | Giáp Thanh Thu     | Trang | 08/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.50     | 8.00      | 8.50 | 25.00 |         |
| 592 | 210592 | Nguyễn Trần Quỳnh  | Trang | 23/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 7.40      | 7.00 | 21.90 |         |
| 593 | 210593 | Trần Thị Tuyết     | Trang | 18/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai | 0       | 0       | 7.50     | 4.60      | 6.50 | 18.60 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------|-------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                 |       |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 594 | 210594 | Nguyễn Hữu Trí  | Trí   | 17/08/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 1.75     | 4.40      | 5.75 | 11.90 |         |
| 595 | 210595 | Nguyễn Hữu Trí  | Trí   | 13/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.75     | 7.40      | 9.25 | 25.40 |         |
| 596 | 210596 | Nguyễn Minh Trí | Trí   | 11/07/2010 | Nam       | Kinh    | Định Quán, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.75     | 8.20      | 8.25 | 23.20 |         |
| 597 | 210597 | Nguyễn Mai Minh | Triết | 12/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 4.40      | 8.25 | 19.90 |         |
| 598 | 210598 | Bùi Ngọc Trinh  | Trinh | 19/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 8.40      | 8.50 | 24.40 |         |
| 599 | 210599 | Đỗ Ngọc Kiều    | Trinh | 28/02/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 3.00      | 6.75 | 16.25 |         |
| 600 | 210600 | Hoàng Thị Kiều  | Trinh | 20/11/2009 | Nữ        | Kinh    | Quảng Bình           | 0       | 0       | 3.00     | 2.60      | 0.25 | 5.85  |         |
| 601 | 210601 | Lý Ngọc Phương  | Trinh | 10/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 5.80      | 7.50 | 21.05 |         |
| 602 | 210602 | Nguyễn Ngọc Mai | Trinh | 16/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 4.80      | 8.50 | 20.55 |         |
| 603 | 210603 | Trần Ngọc Tuyết | Trinh | 18/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 8.40      | 8.25 | 24.15 |         |
| 604 | 210604 | Trần Phan Ngọc  | Trinh | 18/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 7.80      | 7.75 | 23.55 |         |
| 605 | 210605 | Trần Thị Mai    | Trinh | 25/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 3.40      | 3.25 | 13.40 |         |
| 606 | 210606 | Đặng Quát       | Trình | 02/07/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.00     | 1.80      | 3.50 | 9.30  |         |
| 607 | 210607 | Nguyễn Thế      | Trịnh | 07/06/2010 | Nam       | Kinh    | Nha Trang, Khánh Hòa | 0       | 0       | 5.50     | 2.60      | 5.25 | 13.35 |         |
| 608 | 210608 | Hoàng Minh      | Trọng | 21/10/2008 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 609 | 210609 | Hứa Võ Thanh    | Trọng | 15/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.75     | 2.80      | 6.25 | 13.80 |         |
| 610 | 210610 | Trần Đức        | Trọng | 11/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.50     | 6.00      | 8.75 | 20.25 |         |
| 611 | 210611 | Võ Lê Đức       | Trọng | 08/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.50     | 2.00      | 2.00 | 8.50  |         |
| 612 | 210612 | Đỗ Trần Thanh   | Trúc  | 18/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.50     | 2.60      | 4.75 | 12.85 |         |
| 613 | 210613 | Hoàng Thị Thanh | Trúc  | 03/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 9.00      | 8.50 | 25.75 |         |
| 614 | 210614 | Huỳnh Lê Thanh  | Trúc  | 14/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.75     | 5.00      | 8.50 | 21.25 |         |
| 615 | 210615 | Lê Hoàng Thanh  | Trúc  | 13/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Thống Nhất, Đồng Nai | 0       | 0       | 9.00     | 5.60      | 7.50 | 22.10 |         |
| 616 | 210616 | Lê Trần Bảo     | Trúc  | 19/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 5.50     | 2.60      | 4.00 | 12.10 |         |
| 617 | 210617 | Mai Thị Thanh   | Trúc  | 23/02/2010 | Nữ        | Chơ-ro  | Đức Linh, Bình Thuận | 1       | 0       | 7.25     | 3.80      | 7.50 | 19.55 |         |
| 618 | 210618 | Nguyễn Thanh    | Trúc  | 24/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.50     | 5.80      | 6.25 | 18.55 |         |
| 619 | 210619 | Nguyễn Thủy     | Trúc  | 23/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.75     | 8.00      | 8.75 | 25.50 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh |        | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------|--------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                 |        |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 620 | 210620 | Phạm Thị Thanh  | Trúc   | 26/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đồng Nai              | 0       | 0       | 6.00     | 2.40      | 6.50 | 14.90 |         |
| 621 | 210621 | Trần Thị Mỹ     | Trúc   | 13/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Gò Công, Tiền Giang   | 0       | 0       | 7.00     | 5.20      | 7.25 | 19.45 |         |
| 622 | 210622 | Võ Ngọc Khánh   | Trúc   | 25/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Bình Phước            | 0       | 0       | 8.00     | 7.40      | 8.25 | 23.65 |         |
| 623 | 210623 | Mai Đình Quang  | Trung  | 17/05/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 5.00      | 8.75 | 20.75 |         |
| 624 | 210624 | Thạch Cảnh Minh | Trung  | 09/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 3.40      | 7.00 | 16.15 |         |
| 625 | 210625 | Nguyễn Chí      | Trường | 01/11/2010 | Nam       | Kinh    | Nam Đàn, Nghệ An      | 0       | 0       | 6.00     | 3.00      | 5.75 | 14.75 |         |
| 626 | 210626 | Nguyễn Nhật     | Trường | 26/08/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.50     | 4.40      | 7.00 | 17.90 |         |
| 627 | 210627 | Nguyễn Văn      | Trường | 20/09/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 9.00      | 9.00 | 26.00 |         |
| 628 | 210628 | Hoàng Thị Cẩm   | Tú     | 30/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.75     | 7.00      | 4.75 | 16.50 |         |
| 629 | 210629 | Hoàng Tuấn      | Tú     | 15/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 1.50     | 3.60      | 0.75 | 5.85  |         |
| 630 | 210630 | Lê Phạm Quang   | Tú     | 14/11/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 6.80      | 8.00 | 22.30 |         |
| 631 | 210631 | Lương Thanh     | Tú     | 20/02/2010 | Nam       | Kinh    | Định Quán, Đồng Nai   | 0       | 0       | 6.50     | 3.40      | 6.50 | 16.40 |         |
| 632 | 210632 | Nguyễn Phạm Anh | Tú     | 01/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 6.40      | 8.50 | 21.65 |         |
| 633 | 210633 | Phan Tuấn       | Tú     | 04/01/2008 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 5.60      | 5.75 | 17.60 |         |
| 634 | 210634 | Phùng Thị Cẩm   | Tú     | 27/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Tánh Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 6.60      | 7.00 | 21.10 |         |
| 635 | 210635 | Trần Hoàng Anh  | Tú     | 26/06/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.00     | 7.60      | 8.00 | 23.60 |         |
| 636 | 210636 | Bùi Lê Anh      | Tuấn   | 18/02/2010 | Nam       | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.50     | 4.60      | 8.75 | 19.85 |         |
| 637 | 210637 | Bùi Minh        | Tuấn   | 02/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 4.40      | 4.75 | 14.90 |         |
| 638 | 210638 | Nguyễn Anh      | Tuấn   | 11/04/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 7.00     | 4.60      | 8.00 | 19.60 |         |
| 639 | 210639 | Nguyễn Minh     | Tuấn   | 05/10/2009 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 1.75     | 2.80      | 0.75 | 5.30  |         |
| 640 | 210640 | Nguyễn Ngọc     | Tuấn   | 01/03/2010 | Nam       | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 5.50     | 1.80      | 7.25 | 14.55 |         |
| 641 | 210641 | Võ Danh         | Tuấn   | 20/10/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 8.40      | 7.00 | 23.15 |         |
| 642 | 210642 | Đoàn Thanh      | Tùng   | 02/03/2010 | Nam       | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 6.50     | 1.80      | 4.25 | 12.55 |         |
| 643 | 210643 | Ngô Minh        | Tùng   | 26/01/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 0.50     | 1.60      | 2.00 | 4.10  |         |
| 644 | 210644 | Đình Chí        | Tường  | 12/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.25     | 2.40      | 2.75 | 8.40  |         |
| 645 | 210645 | Bùi Đỗ Anh      | Tuyền  | 07/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Cam Lâm, Khánh Hòa    | 0       | 0.5     | 9.00     | 9.20      | 8.50 | 27.20 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh   |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh              | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|-------|------------|-----------|---------|-----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                   |       |            |           |         |                       |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 646 | 210646 | Lê Bùi Thanh      | Tuyền | 20/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.50     | 1.80      | 2.75 | 8.05  |         |
| 647 | 210647 | Nguyễn Ngô Thanh  | Tuyền | 27/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 7.00      | 5.25 | 19.00 |         |
| 648 | 210648 | Nguyễn Thị Thanh  | Tuyền | 09/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.25     | 5.40      | 6.50 | 15.15 |         |
| 649 | 210649 | Trần Thị Bích     | Tuyền | 16/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.75     | 3.60      | 5.00 | 14.35 |         |
| 650 | 210650 | Bùi Thị Ánh       | Tuyệt | 04/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 8.25     | 6.00      | 8.50 | 22.75 |         |
| 651 | 210651 | Hoàng Thị Hoài    | Tuyệt | 02/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 3.00     | 3.00      | 4.25 | 10.25 |         |
| 652 | 210652 | Nguyễn Ánh        | Tuyệt | 13/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 6.60      | 3.50 | 16.35 |         |
| 653 | 210653 | Nguyễn Cao Ánh    | Tuyệt | 02/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Quảng Nam             | 0       | 0       | 7.50     | 4.20      | 7.25 | 18.95 |         |
| 654 | 210654 | Nguyễn Hải Na     | Uy    | 29/09/2009 | Nữ        | Kinh    | Bà Rịa, Vũng Tàu      | 0       | 0       | 4.25     | 1.80      | 1.50 | 7.55  |         |
| 655 | 210655 | Huỳnh Phương      | Uyên  | 01/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.75     | 5.80      | 8.25 | 21.80 |         |
| 656 | 210656 | Lê Thị Mỹ         | Uyên  | 08/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Tánh Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 9.00      | 9.00 | 26.00 |         |
| 657 | 210657 | Nguyễn Đỗ Phương  | Uyên  | 07/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 5.40      | 6.75 | 18.65 |         |
| 658 | 210658 | Nguyễn Ngọc Thảo  | Uyên  | 22/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 2.40      | 5.25 | 14.40 |         |
| 659 | 210659 | Nguyễn Nhã        | Uyên  | 19/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.00     | 2.20      | 3.75 | 9.95  |         |
| 660 | 210660 | Nguyễn Thị Mỹ     | Uyên  | 25/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai    | 0       | 0       | 7.25     | 2.80      | 6.75 | 16.80 |         |
| 661 | 210661 | Phạm Ngọc Hồng    | Uyên  | 15/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai  | 0       | 0       | 6.50     | 4.40      | 6.75 | 17.65 |         |
| 662 | 210662 | Phan Phương       | Uyên  | 23/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.25     | 1.80      | 1.50 | 7.55  |         |
| 663 | 210663 | Trần Lê Phương    | Uyên  | 04/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.00     | 7.80      | 7.75 | 22.55 |         |
| 664 | 210664 | Trần Phương Khánh | Uyên  | 18/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.50     | 4.80      | 8.00 | 19.30 |         |
| 665 | 210665 | Trần Thị Kim      | Uyên  | 28/02/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 5.25     | 3.60      | 5.50 | 14.35 |         |
| 666 | 210666 | Nguyễn Lâm        | Vân   | 20/04/2010 | Nữ        | Kinh    | TP. Hồ Chí Minh       | 0       | 0       | 3.50     | 3.40      | 7.00 | 13.90 |         |
| 667 | 210667 | Phạm Thị Kiều     | Vân   | 17/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.50     | 7.40      | 8.50 | 23.40 |         |
| 668 | 210668 | Vũ Ngọc Ái        | Vân   | 18/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 7.25     | 5.20      | 7.25 | 19.70 |         |
| 669 | 210669 | Lưu Nguyễn Thảo   | Vi    | 06/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.75     | 5.40      | 4.25 | 16.40 |         |
| 670 | 210670 | Nguyễn Thảo Tường | Vi    | 10/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 5.25     | 3.40      | 6.00 | 14.65 |         |
| 671 | 210671 | Huỳnh Gia         | Vĩ    | 31/07/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 4.75     | 1.60      | 4.50 | 10.85 |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh    |      | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh               | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|------|------------|-----------|---------|------------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                    |      |            |           |         |                        |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 672 | 210672 | Phạm Quốc          | Việt | 01/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | V        | V         | V    | V     |         |
| 673 | 210673 | Cao Lương Chí      | Vinh | 24/03/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 9.25     | 8.40      | 8.50 | 26.15 |         |
| 674 | 210674 | Trần Quang         | Vinh | 08/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 6.75     | 4.40      | 6.25 | 17.40 |         |
| 675 | 210675 | Lê Anh Hoàng       | Vũ   | 13/05/2009 | Nam       | Kinh    | Phước Long, Bình Phước | 0       | 0       | 4.67     | 2.20      | 4.25 | 11.12 |         |
| 676 | 210676 | Mai Xuân           | Vũ   | 09/02/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.00     | 3.80      | 7.00 | 17.80 |         |
| 677 | 210677 | Nguyễn Lâm         | Vũ   | 11/12/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 8.00     | 8.00      | 8.00 | 24.00 |         |
| 678 | 210678 | Nguyễn Việt        | Vũ   | 08/02/2010 | Nam       | Kinh    | Tánh Linh, Bình Thuận  | 0       | 0       | 6.25     | 3.40      | 6.25 | 15.90 |         |
| 679 | 210679 | Trần Ngọc          | Vũ   | 12/07/2010 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.50     | 4.20      | 8.50 | 20.20 |         |
| 680 | 210680 | Bùi Nguyễn Tường   | Vy   | 01/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Long Khánh, Đồng Nai   | 0       | 0       | 7.50     | 4.80      | 8.00 | 20.30 |         |
| 681 | 210681 | Chu Mỹ             | Vy   | 16/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 8.25     | 8.20      | 8.50 | 24.95 |         |
| 682 | 210682 | Đoàn Khánh         | Vy   | 23/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 2.75     | 3.00      | 2.50 | 8.25  |         |
| 683 | 210683 | Hoàng Nguyễn Yến   | Vy   | 21/03/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.50     | 1.80      | 6.25 | 15.55 |         |
| 684 | 210684 | Nguyễn Hoài Phương | Vy   | 10/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 8.50     | 6.60      | 7.75 | 22.85 |         |
| 685 | 210685 | Nguyễn Ngọc Huyền  | Vy   | 14/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 4.25     | 2.40      | 0.50 | 7.15  |         |
| 686 | 210686 | Nguyễn Ngọc Kiều   | Vy   | 02/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 8.25     | 3.40      | 8.50 | 20.15 |         |
| 687 | 210687 | Nguyễn Ngọc Kiều   | Vy   | 12/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai     | 0       | 0       | 8.75     | 4.00      | 7.75 | 20.50 |         |
| 688 | 210688 | Nguyễn Phan Tường  | Vy   | 27/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0.5     | 8.75     | 8.20      | 9.25 | 26.70 |         |
| 689 | 210689 | Nguyễn Thị Thảo    | Vy   | 04/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.25     | 3.20      | 7.50 | 17.95 |         |
| 690 | 210690 | Nguyễn Thị Tường   | Vy   | 28/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai     | 0       | 0       | 6.00     | 3.00      | 6.25 | 15.25 |         |
| 691 | 210691 | Nguyễn Trần Tường  | Vy   | 04/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.25     | 4.80      | 8.25 | 20.30 |         |
| 692 | 210692 | Nguyễn Tường       | Vy   | 18/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Thừa Thiên Huế         | 0       | 0       | 9.00     | 8.00      | 8.50 | 25.50 |         |
| 693 | 210693 | Nguyễn Yến         | Vy   | 29/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 7.00     | 4.00      | 6.25 | 17.25 |         |
| 694 | 210694 | Phạm Thị Xuân      | Vy   | 09/10/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 8.25     | 7.20      | 8.50 | 23.95 |         |
| 695 | 210695 | Võ Đỗ Tường        | Vy   | 28/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 8.75     | 9.00      | 8.25 | 26.00 |         |
| 696 | 210696 | Vũ Thị Tường       | Vy   | 28/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 4.25     | 2.60      | 0.75 | 7.60  |         |
| 697 | 210697 | Võ Thế             | Vỹ   | 21/10/2009 | Nam       | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận   | 0       | 0       | 3.50     | 2.20      | 3.25 | 8.95  |         |

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
Hội đồng coi thi: THPT Hùng Vương

| STT | Số BD  | Họ tên thí sinh   |      | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh             | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |           |      |       | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|------|------------|-----------|---------|----------------------|---------|---------|----------|-----------|------|-------|---------|
|     |        |                   |      |            |           |         |                      |         |         | Ngữ văn  | Tiếng Anh | Toán | Tổng  |         |
| 698 | 210698 | Nguyễn Huỳnh Tình | Xuân | 23/12/2009 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.50     | 4.60      | 5.00 | 17.10 |         |
| 699 | 210699 | Chu Thị Như       | Ý    | 04/07/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 7.25     | 8.20      | 9.00 | 24.45 |         |
| 700 | 210700 | Đặng Ngọc Như     | Ý    | 12/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.00     | 9.20      | 8.00 | 25.20 |         |
| 701 | 210701 | Hồ Như            | Ý    | 03/06/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.75     | 6.40      | 8.00 | 23.15 |         |
| 702 | 210702 | Lê Thị Như        | Ý    | 04/08/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 3.75     | 5.20      | 7.50 | 16.45 |         |
| 703 | 210703 | Nguyễn Ngọc Như   | Ý    | 13/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.75     | 3.40      | 4.25 | 12.40 |         |
| 704 | 210704 | Nguyễn Như        | Ý    | 06/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 7.25     | 3.40      | 8.00 | 18.65 |         |
| 705 | 210705 | Võ Trần Như       | Ý    | 29/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 5.60      | 7.50 | 19.85 |         |
| 706 | 210706 | Vũ Thị Như        | Ý    | 25/02/2009 | Nữ        | Kinh    | Cư Jút, Đắk Nông     | 0       | 0       | 5.50     | 3.20      | 4.50 | 13.20 |         |
| 707 | 210707 | Huỳnh Điềm Ngọc   | Yến  | 10/02/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 8.00      | 8.00 | 24.25 |         |
| 708 | 210708 | Huỳnh Thị Kim     | Yến  | 17/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.25     | 3.00      | 7.00 | 16.25 |         |
| 709 | 210709 | Lê Hoàng Hải      | Yến  | 22/12/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 6.40      | 8.50 | 23.15 |         |
| 710 | 210710 | Lê Ngọc Bảo       | Yến  | 01/04/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 6.40      | 7.75 | 22.40 |         |
| 711 | 210711 | Phạm Hải          | Yến  | 18/11/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 6.75     | 6.20      | 8.00 | 20.95 |         |
| 712 | 210712 | Phan Thị Vũ       | Yến  | 02/09/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 4.25     | 2.20      | 4.50 | 10.95 |         |
| 713 | 210713 | Võ Hoàng          | Yến  | 29/05/2010 | Nữ        | Kinh    | Đức Linh, Bình Thuận | 0       | 0       | 8.25     | 8.20      | 8.25 | 24.70 |         |
| 714 | 210714 | Vũ Ngọc Hoàng     | Yến  | 11/01/2010 | Nữ        | Kinh    | Xuân Lộc, Đồng Nai   | 0       | 0       | 5.00     | 2.80      | 7.25 | 15.05 |         |

Danh sách này có **714** thí sinh.

*Bình Thuận, ngày 17 tháng 06 năm 2025*  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI**

**Nguyễn Văn Thạch**